

**QUYẾT ĐỊNH**

Về việc ban hành phương án ứng phó với thiên tai  
trên địa bàn tỉnh Nghệ An

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN**

Căn cứ Luật tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Phòng chống thiên tai ngày 19/6/2013;

Căn cứ Nghị định số 66/2014/NĐ-CP ngày 04/7/2014 của Chính phủ quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành một số điều của Luật phòng, chống thiên tai;

Căn cứ Quyết định số 44/2014/QĐ-TTg ngày 15/8/2014 của Thủ tướng Chính phủ Quy định chi tiết về cấp độ rủi ro thiên tai;

Căn cứ Quyết định số 172/2007/QĐ-TTg ngày 16/11/2007 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược Quốc gia phòng, chống và giảm nhẹ thiên tai đến năm 2020;

Xét đề nghị của Sở Nông nghiệp và PTNT tại văn bản số 2050/TTr.SNN-PCTT ngày 11 tháng 8 năm 2015,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Phương án ứng phó với thiên tai trên địa bàn tỉnh Nghệ an.

**Điều 2.** Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Thủ trưởng các Sở, ban, ngành cấp tỉnh; Trưởng Ban Chỉ huy phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã và Thủ trưởng các đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

**Nơi nhận:**

- Như điều 2;
- Ủy ban Quốc gia tìm kiếm cứu nạn (để b/c);
- Ban Chỉ đạo TW về Phòng chống thiên tai (b/c);
- Thường trực Tỉnh ủy (b/c);
- Thường trực HĐND tỉnh (b/c);
- Chủ tịch, các Phó chủ tịch UBND tỉnh;
- Phó Văn phòng TM;
- Ủy ban MTTQ VN tỉnh (để phối hợp);
- Các Đoàn thể cấp tỉnh (để phối hợp);
- Các thành viên BCH PCTT&TKCN tỉnh;
- Lưu: VP, NN.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Xuân Đường**

**PHƯƠNG ÁN ỨNG PHÓ VỚI THIÊN TAI TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH NGHỆ AN**  
*(Kèm theo Quyết định số 3964/QĐ-UBND.NN ngày 04/9/2015*  
*của UBND tỉnh Nghệ An)*

**Phần thứ nhất**  
**SỰ CẦN THIẾT VÀ NHỮNG CĂN CỨ PHÁP LÝ**

**I. Sự cần thiết ban hành phương án**

Nghệ An là tỉnh có diện tích lớn nhất của cả nước. Địa hình, khí hậu, thủy văn phức tạp, thường xuyên bị ảnh hưởng bởi thiên tai, đặc biệt là bão, áp thấp nhiệt đới, lũ lụt, nắng nóng, lốc xoáy... gây thiệt hại lớn về người và tài sản, công trình.

Để giúp cho Ban chỉ huy Phòng chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn tỉnh (sau đây gọi tắt là PCTT và TKCN) chỉ đạo Ban chỉ huy PCTT và TKCN các Sở, Ban, Ngành và UBND huyện, thành phố, thị xã thực hiện tốt công tác PCTT và TKCN, đồng thời để các ngành và địa phương xây dựng phương án ứng phó với thiên tai và TKCN tại ngành và địa bàn mình, tổ chức thực hiện một cách chủ động, hiệu quả, nhằm giảm thiểu thiệt hại do thiên tai gây ra.

**II. Những căn cứ pháp lý**

- Căn cứ Luật Phòng, chống thiên tai số 33/2013/QH13;
- Căn cứ Nghị định số 66/2014/NĐ-CP ngày 4/7/2014 của Chính phủ Quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai;
- Căn cứ Quyết định số 44/2014/QĐ-TTg ngày 15/8/2014 của Thủ tướng Chính phủ quy định chi tiết về cấp độ rủi ro thiên tai;
- Căn cứ Quyết định số 172/2007/QĐ-TTg ngày 16-11 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chiến lược quốc gia phòng, chống và giảm nhẹ thiên tai đến năm 2020;
- Căn cứ Công văn số 47/TWPCTT ngày 19/5/2015 của Ban chỉ đạo Trung ương về phòng, chống thiên tai về việc định hướng xây dựng phương án ứng phó thiên tai theo cấp độ rủi ro thiên tai.

**Phần thứ hai**  
**ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH, THIẾT HẠI DO THIÊN TAI GÂY RA**  
**VÀ CÔNG TÁC PCTT - TKCN THỜI GIAN QUA**

**I. Đặc điểm tình hình thiên tai và thiệt hại do thiên tai gây ra**

**1. Khái niệm về thiên tai**

Theo Luật Phòng chống thiên tai, thiên tai là hiện tượng tự nhiên bất

thường có thể gây thiệt hại về người, tài sản, môi trường, điều kiện sống và các hoạt động kinh tế - xã hội, bao gồm: bão, áp thấp nhiệt đới, lốc, sét, mưa lớn, lũ, lũ quét, ngập lụt, sạt lở đất do mưa lũ hoặc dòng chảy, sụt lún đất do mưa lũ hoặc dòng chảy, nước dâng, xâm nhập mặn, nắng nóng, hạn hán, rét hại, mưa đá, sương muối, động đất, sóng thần và các loại thiên tai khác.

## 2. Đặc điểm địa lý tự nhiên

### a) Vị trí giới hạn:

- Tỉnh Nghệ An có lãnh thổ kéo dài từ vĩ độ  $18^{\circ}33'10''$  đến  $19^{\circ}4'43''$  vĩ độ Bắc và từ  $103^{\circ}52'53''$  đến  $105^{\circ}45'50''$  kinh độ Đông.

- Diện tích tự nhiên là 1.648.729 ha (16.648 km<sup>2</sup>).

- Dân số năm 2013: 2.978.705 người.

### b) Đặc điểm khí hậu:

Đặc điểm chung của khí hậu Nghệ An là khí hậu nhiệt đới gió mùa, chịu ảnh hưởng của các hoạt động của bão và biến tính của gió mùa.

#### \* *Lốc xoáy, mưa đá:*

Trong thời gian từ tháng 3 đến tháng 6, lốc xoáy, mưa đá thường xảy ra ở các huyện miền núi. Vùng đồng bằng và hải đảo xảy ra ít hơn. Tuy chỉ xảy ra trên phạm vi hẹp, nhưng sức tàn phá rất nặng nề, làm đổ nhà cửa, cây cối, hoa màu...

#### \* *Hạn hán*

Thời kỳ hạn hán, nắng nóng từ tháng 5 đến tháng 8 nhiệt độ trung bình 27-29°C; nóng nhất là tháng 7, nhiệt độ tối cao TB tháng 7; Vinh 34,1°C, Cửa Rào 34,7°C; Tây Hiếu 34,1°C. Lượng mưa trung bình nhiều năm tháng 7: Vinh 116 mm; Cửa Rào 153 mm; Quý Hợp 155 mm; mực nước sông Cả tại Nam Đàn thời kỳ thấp nhất - 0.53 m; lưu lượng thấp nhất tại Yên Thượng 110m<sup>3</sup>/s; mức nước hồ trên địa bàn tỉnh trong thời gian này 30 - 60 % Mực thiết kế (có một số hồ hết nước).

#### \* *Gió mùa và bão:*

Gió mùa: Chịu ảnh hưởng của hai hướng gió chủ yếu: Đông Bắc thịnh hành vào mùa Đông, Đông Nam vào mùa hè, hàng năm có 5 - 7 đợt gió Tây Nam (gió Lào) thời gian 30 - 35 ngày, thường gây khô nóng.

Về bão: Hàng năm thường có 2-3 cơn bão đổ bộ hoặc ảnh hưởng trực tiếp đến Nghệ An, chiếm 19% tổng số cơn bão đổ bộ vào nước ta. Bão thường tập trung từ tháng 6 đến tháng 11.

#### \* *Chế độ mưa:*

- Lượng mưa năm trung bình nhiều năm trên toàn tỉnh từ 1400mm đến khoảng 2100mm, có thể phân thành 6 vùng sau:

+ Vùng Diễn - Yên - Quỳnh có  $X_0 = 1500 - 1800$ mm, năm mưa nhỏ nhất có  $X_0 < 1500$ mm (Tây Diễn Châu, Đông Yên Thành).

- + Vùng Nghĩa Đàn, Quỳnh Châu, Quỳnh Hợp, Quỳnh Phong:  $X_0=1700 - 1900\text{mm}$ .
- + Vùng Nam - Hưng - Nghi - Vinh có  $X_0 = 1800-2000\text{mm}$ .
- + Vùng Anh Sơn - Thanh Chương - Đô Lương có  $X_0 = 1800-2300\text{mm}$ .
- + Vùng Con Cuông, Tân Kỳ có  $X_0 = 1400-1900\text{mm}$ .
- + Vùng Tương Dương - Kỳ Sơn có  $X_0 = 1300-1900\text{mm}$ .

- Lượng mưa gây lũ tháng 9, tháng 10 chiếm khoảng 40% lượng mưa năm. (lượng mưa hai tháng này có thể lớn hơn 1000mm. Đây là đặc điểm gây ra lũ, lụt, lũ ống, lũ quét trên địa bàn tỉnh Nghệ An.

*\* Nguyên nhân gây mưa lũ:*

Những hình thái thời tiết chính gây mưa:

- Dạng 1: Bão hoặc áp thấp nhiệt đới (ATNĐ). Trung bình mỗi năm có hơn 2 cơn bão hoặc ATNĐ đổ bộ vào bờ biển Thanh - Nghệ - Tĩnh.
- Dạng 2: Bão hoặc ATNĐ kết hợp với không khí lạnh. Từ Thanh Hoá đến Thừa Thiên - Huế có 37% cơn bão và ATNĐ kết hợp với không khí lạnh.
- Dạng 3: Nhiều cơn bão đổ bộ liên tiếp trong một thời gian ngắn.
- Dạng 4: Không khí lạnh kết hợp với hình thái thời tiết khác.

Tóm lại, bão, ATNĐ, không khí lạnh, dù hoạt động đơn độc hay kết hợp đều có thể gây mưa lớn ở các vùng ven biển miền Trung nói chung, Nghệ An nói riêng. Song nếu bão hay ATNĐ kết hợp với không khí lạnh thì mưa lũ lớn hơn khi bão hoạt động đơn độc.

*\* Rét đậm, rét hại.*

Thời kỳ rét đậm, rét hại xảy ra từ tháng 11 đến tháng 1 năm sau. Nhiệt độ tối thấp trung bình nhiều năm tại Vinh là  $14,9^{\circ}\text{C}$ ; tại Cửa Rào là  $14,4^{\circ}\text{C}$ ; tại Tây Hiếu là  $13,5^{\circ}\text{C}$ ; thời gian một đợt rét từ 3 - 12 ngày

c) Đặc điểm chính về sông ngòi:

Nghệ An là một tỉnh có mật độ sông suối tương đối dày. Có 6 con sông chảy trực tiếp ra biển, lớn nhất là sông Cả có tổng diện tích lưu vực là  $27.200\text{km}^2$  (trong đó phần chảy trên lãnh thổ Lào chiếm  $9470\text{km}^2$ ) với độ dài sông là 531 km (trong đó 170km chảy trên đất Lào). Sông cả đổ ra biển tại Cửa Hội.

Ngoài sông Cả còn có 5 con sông có cửa chảy trực tiếp ra biển:

- Sông Hoàng Mai, chiều dài 35 km, lưu vực  $120\text{ km}^2$ , chảy ra cửa Trạp.
- Sông Độ Ông (Sông Mai Giang), chiều dài 21 km lưu vực  $115\text{ km}^2$ , chảy ra cửa Quên.
- Sông Thái, chiều dài 32 km, lưu vực  $120\text{ km}^2$ , chảy ra cửa Thơi.
- Sông Bùng, chiều dài 48 km, lưu vực  $739\text{ km}^2$ , chảy ra cửa Vạn.
- Sông Cẩm, chiều dài 52 km, lưu vực  $177\text{ km}^2$ , chảy ra cửa Lò.

Các sông này bắt nguồn từ nội địa, sông ngắn, nhỏ, chảy quanh co. Hiện nay các sông này đã được cải tạo lớn bằng các công trình thủy lợi, như các công ngăn mặn, hệ thống đê điều.

### **3. Tình hình thiệt hại do thiên tai gây ra**

Những năm gần đây, tình hình thiên tai rất phức tạp bởi sự biến đổi khí hậu toàn cầu. Xu thế thời tiết, khí hậu không sát với giá trị trung bình nhiều năm. Các hiện tượng thời tiết mang nhiều yếu tố cực đoan, gây nên sự bất ngờ và làm khó khăn cho công tác PCTT và TKCN.

Hàng năm vào mùa hè nắng nóng, hạn hán xảy ra, gây khó khăn trong công tác sản xuất và sinh hoạt của nhân dân. Riêng năm 2015 mực nước sông Cà tại Nam Đàn có giá trị thấp nhất là - 53cm thấp hơn mực nước lịch sử 22cm (mực nước thấp nhất lịch sử -31 cm). Hạn hán đã làm cho khoảng 20.000 ha lúa gieo cấy chậm, và hàng nghìn ha lúa gieo cấy bị thiếu nước. Nhân dân nhiều vùng không có nước sinh hoạt. Nắng nóng gây nguy cơ và làm cháy rừng, khi nắng nóng xảy ra mưa rào dễ có lốc xoáy, giông sét kéo theo làm thiệt hại tính mạng và tài sản của nhân dân, hàng năm có trung bình khoảng 10 đợt lốc xoáy, mưa đá, giông sét gây thiệt hại đến tài sản và tính mạng của nhân dân.

Mùa bão, lụt do ảnh hưởng biến đổi khí hậu, Bão, lũ lụt xảy ra bất thường. Năm 2011 xảy ra lũ quét tại Kỳ Sơn, với mức nước trên mức nước lịch sử (3,34m); năm 2013 mưa lớn chưa từng có vùng lòng hồ Vực Mầu (chi trong 22 giờ lượng mưa đo được là 541mm) cho nên hồ Vực Mầu phải xả tràn với mức cả 5 cửa xả tràn (trước đây chỉ có 3 cửa, sau khi nâng cấp năm 2010 có 5 cửa).

Cuối năm rét hại rét đậm thường xảy ra làm ảnh hưởng đến sản xuất.

Các vùng núi, bờ sông xảy ra sạt lở. Phải thực hiện di dời tái định cư dân đến nơi ở mới đảm bảo an toàn.

## **II. Đánh giá về công tác PCTT và TKCN của tỉnh**

### **1. Công tác tổ chức**

Công tác Phòng chống và GNTT thường xuyên được Tỉnh uỷ, UBND Tỉnh đặc biệt quan tâm. UBND tỉnh thành lập Ban chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh do đồng chí Chủ tịch UBND hoặc Phó Chủ tịch UBND tỉnh làm Trưởng ban (năm 2015 do Chủ tịch UBND tỉnh làm trưởng ban). Các sở, ban ngành, UBND cấp Huyện, các đơn vị cơ sở như công ty, xí nghiệp, UBND các xã, phường, thị trấn... đều thành lập Ban Chỉ huy PCTT và TKCN do người đứng đầu đơn vị làm Trưởng ban. Sở Nông nghiệp và PTNT là cơ quan Thường trực PCTT và TKCN của tỉnh, Chi Cục Đê điều & PCLB là cơ quan trực thuộc Sở Nông nghiệp và PTNT, làm nhiệm vụ tham mưu cho Sở và UBND tỉnh về công tác PCTT và TKCN, đồng thời là Văn phòng thường trực của Ban chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh. Ở các huyện, thành, thị phòng Nông nghiệp là cơ quan thường trực PCTT và TKCN của Ban Chỉ huy PCTT và TKCN cấp huyện.

### **2. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo**

Hàng năm, UBND tỉnh ban hành các văn bản, chỉ thị về công tác PCTT -

TKCN. Giao cho các Sở, Ban, ngành, UBND các huyện, thành phố, thị xã tiến hành tổng kết, rút kinh nghiệm công tác PCTT và TKCN năm trước và triển khai nhiệm vụ PCTT và TKCN năm tới. Xây dựng phương án ứng phó với thiên tai. Chuẩn bị lực lượng, vật tư, phương tiện và các nhu yếu phẩm đầy đủ, đáp ứng cho việc xử lý các tình huống xảy ra theo phương châm 4 tại chỗ.

### **3. Công tác tuyên truyền, phổ biến kiến thức về PCTT**

Triển khai tuyên truyền phổ biến Pháp luật trên các phương tiện thông tin đại chúng. Đưa tin chỉ đạo của UBND, Ban chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh và cấp huyện, kịp thời phục vụ nhân dân.

Nâng cao nhận thức cộng đồng theo Đề án ban hành kèm theo Quyết định số 1002/QĐ/CP của Chính phủ. Hàng năm tập huấn kiến thức về PCTT cho các đối tượng chủ chốt của cấp huyện, công ty xí nghiệp thủy lợi, cán bộ chỉ huy trong các đơn vị quân đội. Phối hợp với Hội Chữ thập đỏ, ngành Thủy sản, lực lượng cứu hộ cứu nạn, Quân dân y kết hợp... mở rộng diện tập huấn cho các đối tượng khác ở cơ sở. Phối hợp các tổ chức khác để nâng cao nhận thức cho nhân dân vùng thường xuyên ảnh hưởng thiên tai.

### **4. Công tác triển khai thực hiện**

- Các Sở, Ban, ngành, các lực lượng vũ trang và các địa phương, đơn vị cấp tỉnh... tổ chức thực hiện phương án PCTT và TKCN nghiêm túc. Trước mùa bão lụt các công trình PCTT như thủy lợi, giao thông, xây dựng,... đều được kiểm tra để tu sửa. UBND tỉnh phê duyệt phương án PCLB các công trình trọng điểm như đê Tả Lam, các hồ đập lớn do các doanh nghiệp quản lý. UBND các huyện phê duyệt phương án PCLB các hồ đập nước quan trọng trên địa bàn do Công ty quản lý.

- Việc chỉ đạo đối phó phòng chống các cơn bão, ATNĐ, lũ lụt được triển khai kịp thời, nghiêm túc:

+ Hoạt động của Văn phòng TT BCH PCTT và TKCN tỉnh, đến các BCH PCTT và TKCN các cơ sở được triển khai nghiêm túc. Việc cập nhật, tổng hợp thông tin về thiên tai, ban hành và thông tin đầy đủ các công điện, chỉ thị, quyết định của UBND tỉnh đối phó kịp thời các diễn biến của thiên tai tương đối kịp thời.

+ Chỉ đạo tích cực, khẩn trương công tác phòng chống, né tránh bão lụt: Kêu gọi tàu thuyền về nơi trú ẩn, sơ tán dân ven biển, phòng tránh lũ quét, lũ ống, tìm kiếm cứu hộ cứu nạn, thu hoạch mùa màng.

+ Công tác ban hành Công điện được UBND tỉnh đã ban hành Quy chế số 43/QĐ-UBND.NN ngày 27/4/2007.

+ Đảm bảo túc trực thường xuyên để theo dõi tình hình, để chỉ đạo cụ thể đối phó với bão lụt. Triển khai lực lượng, phương tiện để thực hiện tốt các phương án đã xây dựng.

### **5. Công tác khắc phục hậu quả thiên tai**

Tập trung chỉ đạo một số nhiệm vụ trọng tâm như: Tìm kiếm, thăm hỏi

động viên và hỗ trợ kịp thời người bị mất tích, các gia đình bị nạn. Kiểm tra rà soát các hộ gia đình bị thiệt hại và gặp khó khăn do thiên tai để giúp đỡ, hỗ trợ. Trợ cấp, cứu đói, xử lý môi trường, phòng chống dịch bệnh, nhanh chóng ổn định đời sống và ổn định sản xuất.

Tu sửa công trình đảm bảo giao thông, thủy lợi, nước sinh hoạt, thông tin liên lạc, trường học, bệnh viện và điện sinh hoạt. Thống kê, đánh giá, báo cáo tình hình thiệt hại và tổ chức khôi phục sản xuất sau thiên tai.

### **III. Hiện trạng các công trình phòng, chống thiên tai**

#### **1. Hệ thống dự báo, cảnh báo**

- Đài khí tượng thủy văn khu vực Bắc trung bộ dự báo tình hình thiên tai, bão, lũ, nắng nóng, lốc sét, sương muối, rét hại, hạn hán, xâm nhập mặn theo định kỳ và mỗi đợt thiên tai, đến UBND tỉnh, Ban Chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh, làm cơ sở cho công tác chỉ đạo đối phó kịp thời.

- Trạm cảnh báo bão Cửa Lò được đưa vào hoạt động phục vụ việc đo sóng và cảnh báo bão. Trên cơ sở nhiệm vụ, các ngành đều có dự báo, cảnh báo của từng ngành, để tham mưu, chỉ đạo công tác phòng chống bão, nước dâng.

#### **2. Các công trình đê điều**

Hệ thống đê điều Nghệ An hiện nay có 475,68km các loại trong đó: Đê Tả Lam dài 68,2 km, Đê tả hữu sông Cấp IV 87,5km, đê cửa sông 129,2km, đê biển 41,78 km, đê nội đồng 149,0km.

a) Tuyến đê Tả Lam: Có chiều dài 104,2km, trong đó có 68,22km đê thực đắp và 36 km lợi dụng đất tự nhiên; xuất phát từ núi Trảng Thịnh huyện Đô Lương chạy dọc theo bờ tả sông Lam đi qua địa bàn 6 huyện, thành phố Vinh, khép kín tại cồn cát xã Nghi Thái huyện Nghi Lộc. Nhiệm vụ của hệ thống đê Tả Lam là ngăn lũ sông Lam bảo vệ dân sinh, kinh tế xã hội vùng hạ du của tỉnh Nghệ An. Trong đó thành phố Vinh là trung tâm kinh tế - chính trị của tỉnh, huyện Nam Đàn là quê hương Chủ tịch Hồ Chí Minh, đường sắt Bắc Nam, Quốc lộ 1A,...

b) Các tuyến đê sông (đê cấp IV tả và hữu ngạn sông Cả): Tổng chiều dài đê cấp IV là 87,5 km, được phân bố ở 3 huyện: Đô Lương; Thanh Chương và Nam Đàn. Nhiệm vụ các tuyến đê này chống lũ hệ thu tương ứng mức nước lũ ngang với bảo động II.( Tần suất 10%).

c) Các tuyến đê biển: Tổng chiều dài đê là 41,783km. Đến nay cơ bản các tuyến đã nâng cấp đảm bảo chống được bão cấp 10, triều cường tần suất 5%.

d) Đê cửa sông: Tổng số 129,2Km, thuộc vùng các cửa sông. Hiện tại chống được bão cấp 7-8; trừ một số tuyến mới được nâng cấp chống được bão cấp 10 (Bích - Kỳ - Vạn - Ngọc; Quỳnh Lộc, Quỳnh Di).

e) Các tuyến đê nội đồng: Có tổng chiều dài 149,0km; ở các huyện Hưng Nguyên, TP Vinh, Diễn Châu và Yên Thành. Các tuyến đê nội đồng được xây dựng với thiết kế chống được lũ tiêu mẫn và lũ hệ thu tần suất 10%. Một số tuyến xây dựng lâu ngày nên đã xuống cấp.

### 3. Các hồ chứa

Toàn tỉnh có trên 625 hồ chứa các loại (trong đó có 13 hồ có dung tích từ trên 5 đến 75 triệu m<sup>3</sup>, 612 hồ có dung tích dưới 5 triệu m<sup>3</sup>), có 112 hồ có chiều cao đập trên 10m. Hiện nay có 75 hồ chứa do các doanh nghiệp Nhà nước quản lý, còn lại do địa phương quản lý khai thác sử dụng. Trong 75 hồ chứa do các công ty thủy lợi quản lý có 33 hồ đã được nâng cấp.

Hầu hết các hồ chứa được xây dựng từ những năm 70, 80 thế kỷ trước, mức đảm bảo an toàn lũ thấp. Hệ thống đường quản lý ứng cứu không đảm bảo.

Đánh giá mức độ an toàn các hồ chứa:

+ Các hồ lớn do nhà nước đầu tư xây dựng, đều có khảo sát thiết kế tính toán an toàn theo tiêu chuẩn quy định và được thi công theo đúng quy trình quy phạm. Hiện nay có 85 hồ đã được nâng cấp nhằm đảm bảo an toàn chống lũ, trong đó có 33 hồ do các công ty TNHH thủy lợi quản lý, 52 hồ do địa phương quản lý các hồ được nâng cấp thì mức an toàn chống lũ cao hơn. Tuy nhiên do liệt tài liệu thủy văn dùng để tính toán quá ngắn, nay có nhiều thay đổi về địa hình, địa mạo, thảm phủ thực vật nên vẫn có nhiều nguy cơ xảy ra vỡ đập khi lũ vượt tần suất thiết kế. Nói chung các hồ chứa lớn có thể đảm bảo an toàn khi gặp lũ năm 1978. Nhưng diễn biến thời tiết ngày càng phức tạp, khó lường, do đó không thể xem thường được. Nhất là các hồ chứa có nhiều hồ chứa nhỏ trong lưu vực (khi các hồ nhỏ bị vỡ sẽ làm tăng mực nước đột ngột, đe dọa an toàn của các đập phía sau) và các hồ có dung tích lớn như Vực Mầu, Sông Sào ...

+ Các hồ do Nhà nước và nhân dân cùng làm (Nhà nước đầu tư phân đầu mối, nhân dân tự làm kênh mương, hoặc nhà nước hỗ trợ một phần hoặc các tổ chức quốc tế tài trợ). Các hồ chứa này thường có dung tích từ 0,5- 1 triệu m<sup>3</sup>, chủ yếu do địa phương quản lý. Chất lượng hồ sơ tài liệu thường kém chính xác, theo dõi thi công, tổ chức vận hành, quản lý không được tốt. Do đó khi có lũ lớn tương tự mức 1978 vẫn có nguy cơ vỡ đập.

+ Sau hạ du các hồ thường có nhiều dân cư sinh sống, do đó vấn đề an toàn đập để bảo vệ dân cư, cần xây dựng phương án sơ tán cho các vùng có nguy cơ vỡ đập.

### 4. Các công trình tiêu úng lớn

#### a) Các công tiêu lớn:

- Công Bền Thủy: Tại K91 đê 42, công có nhiệm vụ chống lũ sông Cả, ngăn mặn giữ ngọt và tiêu úng cho các huyện Nam Đàn, Hưng Nguyên, TP Vinh. Công được xây dựng xây dựng từ thời Pháp, hiện nay cửa cung, cửa âu thuyền, cửa bê tông vận hành bình thường, nhưng mùa lũ vận hành khó khăn khi chênh lệch mực nước thượng hạ lưu và bèo rác cản trở. Công thiết kế với lưu lượng tiêu 256 m<sup>3</sup>/s, tiêu cho vùng vùng Nam Đàn và Hưng Nguyên.

- Công Nghi Quang có nhiệm vụ ngăn mặn, giữ ngọt, tiêu úng cho hệ thống thủy lợi Nam, đưa vào sử dụng từ năm 1997. Công thiết kế với lưu lượng tiêu 252 m<sup>3</sup>/s, tiêu cho một phần Hưng Nguyên và Nghi Lộc.



- Công Diễn Thành: Có nhiệm vụ ngăn mặn, giữ ngọt, tiêu úng cho vùng Diễn Châu và Yên Thành. Được xây dựng năm 1990. Công thiết kế với lưu lượng tiêu 450 m<sup>3</sup>/s, tiêu cho 23.000 ha.

- Công Diễn Thủy: Có nhiệm vụ ngăn mặn, giữ ngọt, tiêu úng cho vùng Diễn Châu và Yên Thành. Công thiết kế với lưu lượng tiêu 90 m<sup>3</sup>/s, tiêu cho 6.000 ha.

b) Các kênh tiêu lớn.

- Các kênh tiêu Vách Bắc, Sông Bùng, Kênh Tháp, Kênh Gai vừa qua được Bộ Nông nghiệp và PTNT đầu tư mở rộng nạo vét nên dòng chảy tốt hơn.

- Một số đoạn kênh tiêu bị lấn chiếm làm nhà, làm lều quán, làm bãi tập kết vật liệu gây ách tắc dòng chảy lớn như Vách Bắc, đoạn cầu Phương Tích (Nghị Lộc), đoạn Cửa Tiền - Sông Vinh.

c) Các trạm bơm tiêu úng: Trạm bơm Hưng Châu có 8 máy bơm công suất mỗi máy là 8.000 m<sup>3</sup>/h tiêu cho 2.500 ha; Trạm bơm Hưng Lợi có 22 máy bơm công suất mỗi máy là 4.000 m<sup>3</sup>/h tiêu cho 3.000 ha, lâu nay không hoạt động, khu tiêu nay được tiêu qua công 3A và 3B đổ vào sông Vinh và tiêu qua công Bến Thủy; Trạm bơm Hưng Đạo có 6 máy bơm công suất mỗi máy là 2.500 m<sup>3</sup>/h tiêu cho 500 ha; Trạm bơm Cầu Đen có 6 máy bơm công suất mỗi máy là 3.500 m<sup>3</sup>/h tiêu cho thành phố Vinh; Trạm bơm Tây Nam có 6 máy bơm công suất mỗi máy là 3.500 m<sup>3</sup>/h tiêu cho phường Cửa Nam, Đội Cung của thành phố Vinh.

## 5. Các công trình giao thông

a) Đường bộ.

- Hệ thống đường Quốc lộ tỉnh Nghệ An dài 797 km:

+ QL1A dài 84km đã được nâng cấp mở rộng năm 2014 - 2015, tuy nhiên vẫn còn một số điểm ngập lụt đoạn phường Quỳnh Thiện thị xã Hoàng Mai, xã Quỳnh Văn huyện Quỳnh Lưu.

+ QL7A dài 225km, QL46 dài 74,5km, QL48 dài 122 km, Đường Hồ Chí Minh dài 132 km, cơ bản đảm bảo được giao thông khi bão lụt ở mức báo động 2 trở lên. Tình trạng ngập lụt cục bộ tại các vị trí cầu tràn và đường trên quốc lộ 48 đoạn Châu Bình đến Quế Phong; Quốc lộ 7 đoạn Con Cuông đến Nậm Cắn; Đường Hồ Chí Minh thường gây ách tắc giao thông.

- Hệ thống đường tỉnh lộ gồm 15 tuyến dài 421km: đảm bảo giao thông ở mức báo động I. Tình trạng ngập cục bộ tại các vị trí cầu, tràn và đường trên tuyến ĐT 533, ĐT 598A, 598B; Sạt lở ta luy dương, ta luy âm trên tuyến ĐT 532, ĐT 533, QL7 nối QL48 thường gây ách tắc giao thông.

- Các tuyến giao thông nội huyện gồm 3.690Km đường huyện và 7.593 km đường nguyên liệu, đường xã, liên thôn, liên bản: Giao thông về mùa mưa hết sức khó khăn. Tình trạng ngập lụt cục bộ tại các cầu tràn và đường, sạt lở mái ta luy thường xuyên xảy ra, gây ách tắc giao thông.

b) Đường sắt.

Đường sắt Bắc Nam dài 94 km, đường sắt địa phương tuyến Cầu Giát - Nghĩa Đàn dài 29,3 km. Chỉ có đoạn cầu Yên Xuân - Nam Cường dễ bị tràn khi lũ ở mức năm 1978.

c) Đường không:

Sân bay Vinh hiện nay là nơi có thể thực hiện ứng cứu vùng Nghệ An khi có tình hình xấu.

## **6. Các công trình khu neo đậu tàu thuyền**

- Các vị trí neo đậu tàu thuyền: Tỉnh Nghệ An có chiều dài bờ biển 82 km và trên 4.000 chiếc tàu, thuyền đánh cá các loại. Đến mùa bão lụt các thuyền thường hay về trú ẩn trong các cửa lạch như Cửa Trạp, Cửa Quèn, Cửa Thơi, Cửa Vạn, Cửa Lò, Cửa Hội. Tuy nhiên các cửa lạch này mang yếu tố tự nhiên, khó đảm bảo an toàn cho tàu neo đậu khi tránh bão, mặt khác bị nhiều cầu cản trở nên các tàu lớn không thể vào được khi cần trú tránh. Hiện nay tỉnh ta đã triển khai xây dựng 3 khu neo đậu tàu thuyền tại Lạch Quèn, Lạch Cờn và Lạch Vạn, còn khu neo đậu Cửa Hội đã có trong Quy hoạch của Chính phủ sẽ tiếp tục xây dựng trong giai đoạn đến năm 2020.

- Về thông tin liên lạc, nắm bắt tàu thuyền chủ yếu qua các radio hiện có trên thuyền, qua máy phát bộ đàm, máy phát ICOM của Chi cục Thủy sản, các đồn Biên phòng, Đài thông tin duyên hải Bến Thủy và qua gia đình.

- Công tác cứu hộ cứu nạn trên biển: Chủ yếu do các thuyền tự hỗ trợ lẫn nhau. Lực lượng cứu hộ của tỉnh ta hiện có 10 tàu: Chi cục BVNL Thủy sản 2 tàu, Hải đội 137 Hải quân 2 tàu, Hải đội 2 của bộ đội Biên phòng 2 tàu, Trung tâm CHCN Cửa Lò 3 tàu nhỏ; Cảng vụ Nghệ An 1 tàu. Các tàu cứu hộ đều có công suất dưới 660 mã lực, chỉ hoạt động cứu hộ, cứu nạn khi có gió dưới cấp 6, cấp 7. Năm 2014 Bộ tư lệnh Bộ đội Biên phòng cấp cho tỉnh Nghệ An Tàu CN09 công suất 3.800CV (tại Quyết định số 3052/QĐ-BTL ngày 26/9/2014) để phục vụ tốt công tác CHCN với gió bão cấp 8, cấp 9.

## **7. Công trình phòng, chống thiên tai các huyện miền núi**

a) Thực trạng về thiên tai ở các huyện miền núi.

Miền núi tỉnh Nghệ An chiếm trên 70% diện tích của tỉnh.

Theo thống kê năm 2008 có 84 xã ở 5 huyện miền núi Kỳ Sơn, Tương Dương, Con Cuông, Quế Phong, Quý Châu... có nhiều nguy cơ xảy ra thiên tai, trong đó lũ quét, sạt lở đất và lốc xoáy là những thiên tai xảy ra nhiều nhất. Hàng năm đã có từ 1 - 2 trận lũ quét và sạt lở đất. Một số năm đã có lũ quét gây thiệt hại lớn như năm 2007 ở Nậm Giải, năm 2011 ở Kỳ Sơn.

b) Tổ chức ứng phó: Do đặc điểm địa hình, khí hậu cho nên thiên tai miền núi rất phức tạp, trình độ dân trí miền núi còn thấp. Việc xây dựng phương án PCTT và TKCN cho vùng miền núi, thực sự chưa được đầu tư đúng mức. Công tác điều tra các vị trí có nguy cơ bị ảnh hưởng của lũ ống, lũ quét, sạt lở đất, việc cảnh báo, theo dõi lượng mưa, mực nước còn sơ sài, thực sự chưa chú trọng. Mặt

khác thiên tai miền núi còn có tính đặc thù như:

- Lũ ống, lũ quét, lở xoáy, sạt lở đất vùng miền núi không xuất hiện định kỳ hàng năm như vùng trung du, đồng bằng, mà chỉ xảy ra sau những biến đổi nhất định;

- Thiên tai miền núi chỉ xảy ra trên một khu vực cụ thể, bất ngờ. Do đó việc dự báo, cảnh báo, dự báo trên phạm vi nhất định rất khó khăn;

- Vùng xảy ra thường là vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Do đó công tác cứu hộ gặp rất nhiều khó khăn, do thông tin thiếu, đường giao thông bị chia cắt do bị sạt lở;

- Kiến thức hiểu biết về thiên tai, đặc biệt lũ ống, lũ quét, lở xoáy, sạt lở đất của cán bộ và nhân dân chưa cao;

- Công tác cứu hộ, cứu nạn rất nhiều khó khăn, lực lượng bên ngoài không thể vào ứng cứu ngay được. Chủ yếu phải sử dụng lực lượng tại chỗ.

### **8. Công tác thông tin liên lạc trong PCTT**

- Trong những năm qua mạng lưới bưu chính viễn thông của tỉnh ta có tốc độ phát triển nhanh chóng, 98% các xã đều có mạng điện thoại cố định. Mạng lưới viễn thông có độ phủ tốt, chất lượng khá cao, công nghệ hiện đại. Năng lực phủ sóng, đảm bảo thông tin liên lạc tại các vùng núi cao để bị lũ ống như Kỳ Sơn, Tương Dương, Quế Phong, Quỳnh Châu khá hơn trước.

- Tồn tại, khó khăn:

+ Do địa bàn rộng, địa hình phức tạp có nhiều sông suối nên các tuyến truyền dẫn, cáp treo dễ bị đổ, gãy, các nhà trạm dễ bị ngập lụt làm chập điện hư hỏng máy.

+ Đối với vùng miền núi, bão lũ cuốn theo nhiều cây cối, bùn đá làm đứt nhiều tuyến đường cáp quang làm mất liên lạc.

+ Các trạm sử dụng VSAT-IP và các trạm thông tin bị mất điện lưới, hoặc không đủ nguồn dự phòng.

### **9. Hệ thống điện phục vụ công tác PCTT**

Hệ thống điện những năm qua được củng cố và phát triển nhanh. Lưới điện ưu tiên phục vụ cho các trạm bơm tưới để chống hạn, tiêu úng được các cấp lãnh đạo chỉ đạo đảm bảo ổn định. Tuy vậy việc đảm bảo điện vùng sâu, vùng xa, vẫn còn gặp khó khăn, nhất là vào mùa hè lượng điện đảm bảo cho sử dụng chưa thật đầy đủ.

### **10. Các nhà máy thủy điện**

Tiềm năng thủy điện của tỉnh ta rất lớn, theo quy hoạch Tổng công ty điện lực Việt Nam, tỉnh ta có thể xây dựng được 36 nhà máy thủy điện ở trên sông Cả và các sông nhánh của sông Cả. Hiện nay đã xây dựng được một số nhà máy thủy điện như Bàn Vẽ, Khe Bô, Nậm Nơn, Hòa Na, Bản Cốc, Nhạn Hạc... , số còn lại đã khởi công, hoặc đang tiến hành xây dựng. Bên cạnh góp phần phát triển kinh

tế và cắt giảm lũ cho hạ du, việc xây dựng các nhà máy thủy điện cũng đưa lại nhiều tác động không nhỏ cho đời sống bộ phận dân cư vùng lòng hồ, làm gia tăng khả năng biến đổi môi trường và các nguy cơ cao đối với lũ ống, lũ quét. Trong các nhà máy thủy điện, chỉ có thủy điện Bản vẽ có dung tích phòng lũ 300 triệu m<sup>3</sup>, cho nên có thể cắt lũ cho hạ du một phần.

#### **IV. Đánh giá ưu, khuyết điểm trong công tác ứng phó với thiên tai**

##### **1. Ưu điểm**

- Công tác ứng phó thiên tai đã được Chính phủ, các Bộ ngành Trung ương; Tỉnh ủy, UBND tỉnh, các cấp, các ngành quan tâm chỉ đạo, đôn đốc ở cả 3 vùng đồng bằng, miền núi và trên biển.

- Nhận thức của cấp ủy chính quyền, cán bộ và nhân dân trong công tác phòng chống thiên tai có chuyển biến hơn trước. Hoạt động của các BCH PCTT và TKCN trong việc chuẩn bị, triển khai, chấp hành công tác chỉ đạo, đối phó với thiên tai nghiêm túc, hiệu quả hơn.

- Nhiều công trình thủy lợi, giao thông và hạ tầng kỹ thuật trong tỉnh được nâng cấp, xây dựng mới, nhờ đó đã góp phần nâng cao khả năng ứng phó với thiên tai tốt hơn.

- Hệ thống thông tin liên lạc phát triển, giúp nắm bắt diễn biến thời tiết nhanh chóng và chỉ đạo kịp thời.

- Cơ sở vật tư dự trữ cho công tác PCTT của Nhà nước và trong nhân dân được tăng cường.

- Công tác khắc phục hậu quả, khôi phục sản xuất, đời sống, vệ sinh môi trường có nhiều nỗ lực. Việc tiếp nhận, sử dụng tiền, hàng cứu trợ kịp thời, đúng đối tượng.

- Công tác thông tin tuyên truyền chỉ đạo, đối phó, khắc phục hậu quả bão lụt được tăng cường về thời lượng và chất lượng.

##### **2. Tồn tại, khó khăn**

- Do một số bộ phận cán bộ, nhân dân có tư tưởng chủ quan. Việc chỉ đạo thiếu quyết liệt không nghiêm. Số người có kinh nghiệm trong điều hành ứng phó thiên tai sau mỗi lần kiện toàn bộ máy ở các địa phương có thay đổi.

- Việc quy hoạch các dự án đầu tư cơ sở hạ tầng: giao thông, thủy lợi, thủy điện, điện lực... nhất là vùng miền núi, thực sự chưa gắn với việc phòng chống và giảm nhẹ thiên tai.

- Việc kêu gọi, nắm bắt tàu thuyền hoạt động trên biển về nơi trú ẩn khi có bão còn nhiều bị động. Sự phối hợp giữa UBND các huyện, thị ven biển với bộ đội Biên phòng, Sở NN và PTNT để nắm số lượng tàu thuyền chưa chính xác, kịp thời.

- Công tác ứng phó thiên tai vùng miền núi, vùng sâu, vùng xa, còn nhiều bất cập. Công tác dự báo chưa cụ thể, phương án phòng chống thiếu tính khả thi, tổ chức triển khai chưa tốt.

- Hệ thống công trình thủy lợi: Đê điều, hồ đập, công trình giao thông, cơ sở hạ tầng chưa được thử thách với bão lũ nhiều ở tiêu chuẩn thiết kế. Có thể bị hư hỏng khi bão lụt xảy ra khi gặp mưa lũ vượt tần suất thiết kế.

- Mạng lưới các trạm KTTV, trạm đo mưa trên địa bàn còn thưa, đặc biệt là ở vùng miền núi, sự phối hợp với KTTV phía nước bạn Lào chưa cao, vì vậy công tác dự báo lũ nói chung, nhất là dự báo lũ ống, lũ quét gặp nhiều khó khăn.

- Hệ thống thông tin liên lạc và cơ sở hạ tầng vùng sâu, vùng xa, vùng lồi còn khó khăn.

- Công tác tuyên truyền, giáo dục về phòng chống lụt bão cho các đối tượng nhân dân, các cháu học sinh... chưa nhiều, chưa sâu rộng. Công tác kiểm tra bên bờ ngang, phao cứu sinh, ngầm tràn... không triệt để, thường xuyên.

- Công tác tổng hợp báo cáo thiệt hại ở các địa phương, đơn vị chưa kịp thời, còn chung chung, chưa cụ thể, báo cáo không thống nhất, thiếu chính xác.

### **3. Nguyên nhân dẫn đến tồn tại**

- Nhận thức về công tác ứng phó thiên tai gắn với phát triển kinh tế bền vững của một bộ phận cán bộ và nhân dân chưa đầy đủ. Việc tổ chức tuyên truyền nâng cao nhận thức công đồng về phòng chống và giảm nhẹ thiên tai chưa thường xuyên, thiếu hệ thống.

- Công tác quy hoạch xây dựng và phát triển của các ngành chưa đồng bộ, chưa đảm bảo an toàn trong phòng tránh thiên tai và bảo vệ môi trường tự nhiên.

- Công tác chỉ đạo thực hiện và tổ chức quản lý chưa kiên quyết, thiếu tính chủ động, việc xử lý các vi phạm bảo vệ rừng, khai thác cát, khoáng sản... chưa kịp thời. Việc quản lý tàu thuyền hoạt động trên sông, trên biển còn nhiều bất cập.

- Kinh phí đầu xây dựng các công trình phòng chống thiên tai còn ít, chưa đáp ứng nhu cầu.

## **Phần thứ ba**

### **PHƯƠNG ÁN ỨNG PHÓ VỚI THIÊN TAI VÀ TKCN**

#### **A. MỤC TIÊU, NỘI DUNG CỦA PHƯƠNG ÁN**

##### **1. Mục tiêu**

Giảm thiểu thiệt hại tối đa cho người, tài sản của nhân dân và cơ sở hạ tầng KT-XH. Nâng cao hơn nữa tính chủ động của Ban Chỉ huy PCTT và TKCN các cấp và nhận thức của cán bộ, người dân trong công tác PCTT.

Thống nhất và chủ động trong chỉ đạo điều hành, phối hợp Ban Chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh đến Ban Chỉ huy PCTT và TKCN các ngành và các huyện, thành, thị xã.

Trang bị Phương án PCTT và TKCN tổng quát để các địa phương, các

ngành thực hiện. Đồng thời xây dựng phương án cho địa phương, đơn vị mình.

**2. Các nội dung:** Phương án ứng phó thiên tai bao gồm các nội dung chính sau đây:

- Bảo vệ công trình phòng, chống thiên tai và công trình trọng điểm;
- Sơ tán, bảo vệ người, tài sản, bảo vệ sản xuất;
- Bảo đảm an ninh trật tự, giao thông, thông tin liên lạc;
- Phối hợp chỉ đạo, chỉ huy phòng tránh, ứng phó thiên tai và tìm kiếm cứu nạn;
- Nguồn nhân lực ứng phó thiên tai;
- Dự trữ vật tư, phương tiện, trang thiết bị, nhu yếu phẩm;
- Biện pháp ứng phó và khắc phục với các loại thiên tai;
- Công tác tìm kiếm cứu nạn.

## **B. PHƯƠNG ÁN ỨNG PHÓ VỚI THIÊN TAI**

### **1. Bảo vệ công trình phòng, chống thiên tai và công trình trọng điểm**

#### **1.1. Công trình Đê điều**

Công trình đê điều bao gồm đê, kè, cống qua đê và các công trình phụ trợ trên đê, có nhiệm vụ ngăn lũ từ các con sông, ngăn mặn từ biển vào, chống nước biển dâng do bão, thủy triều, đồng thời có nhiệm vụ tiêu thoát lũ từ nội đồng ra sông, ra biển.

Phương án bảo vệ:

+ Đối với tuyến đê Tả Lam

Là tuyến đê trọng điểm của tỉnh, ngăn lũ sông Cả, bảo vệ khu vực Đông Nam tỉnh Nghệ An (bao gồm các huyện từ Đô Lương đến thành phố Vinh, trong đó có nhiều khu kinh tế, chính trị và văn hóa xã hội quan trọng).

Tuyến đê được lập phương án bảo vệ riêng và có quyết định phê duyệt của UBND tỉnh. Phương án được lập theo phương châm “4 tại chỗ” (chỉ huy, nhân lực, vật tư phương tiện và hậu cần tại chỗ). Tham mưu chỉ đạo do Sở Nông nghiệp và PTNT thực hiện, các địa phương và đơn vị liên quan phối hợp thực hiện.

+ Đối với các tuyến đê sông cấp IV của sông Cả còn lại.

Bao gồm các tuyến đê Nam Bắc Đặng (Đô Lương), đê cấp IV Tả và Hữu sông Cả, đê sông Gang (Thanh Chương); đê Nam Thái, đê vùng 5 Nam (Nam Đàn).

Các tuyến đê này ngăn lũ sông Cả bảo vệ các khu vực độc lập thuộc địa bàn các huyện trên. Chỉ tiêu ngăn lũ của các tuyến này là ngăn lũ ở mức báo động II, khi mực nước sông Cả vượt quá mức trên thì sẽ tự do tràn qua đê, do vậy về phương án bảo vệ phải kết hợp với cơ cấu cây trồng và mùa vụ để giảm thiểu thiệt hại do lũ tràn vào.

+ Các tuyến đê biển, đê nội đồng do các huyện, thành, thị xã quản lý.

Phương án bảo vệ: Khi có bão, ATNĐ, mưa lớn chuẩn bị các vật tư, phương tiện nhân lực để sẵn sàng xử lý các sự cố nhất là nước biển tràn qua đê, sự cố tại các cống tiêu qua đê, rò rỉ qua đê, sạt lở gây vỡ đê (cụ thể địa phương lập chi tiết phương án bảo vệ theo phương châm 4 tại chỗ).

Phương án bảo vệ tuyến đê do UBND các địa phương quản lý thì các địa phương lập và phê duyệt.

### 1.2. Hệ thống tiêu úng lớn

+ Cống Bến Thủy: Tại K91 đê 42, cống có nhiệm vụ chống lũ sông Cà, ngăn mặn giữ ngọt và tiêu úng cho các huyện Nam Đàn, Hưng Nguyên, TP Vinh.

+ Cống Nghi Quang có nhiệm vụ ngăn mặn, giữ ngọt, tiêu úng cho hệ thống thủy lợi Nam.

+ Cống Diễn Thành: Có nhiệm vụ ngăn mặn, giữ ngọt, tiêu úng cho vùng Diễn Yên.

+ Cống Diễn Thủy: Có nhiệm vụ ngăn mặn, giữ ngọt, tiêu úng cho vùng Diễn Yên.

+ Các kênh tiêu lớn.

- Các kênh tiêu Vách Bắc, Sông Bùng, Kênh Thấp, Kênh Gai .

+ Các trạm bơm tiêu úng: Hưng Châu, Hưng Đạo, trạm bơm Tây Nam, Vinh Tân, Cầu Đen.

Để vận hành tốt hệ thống tiêu úng trên, hàng năm các công ty thủy lợi Nam, thủy lợi Bắc đều lập phương án bảo vệ, Phòng, chống thiên tai, trình UBND tỉnh phê duyệt.

Phương án đảm bảo theo phương châm “4 tại chỗ” và đảm bảo hiện thực khả thi. Trước mùa lụt bão các chủ quản lý hệ thống tiêu úng, các cơ quan chức năng kiểm tra việc chuẩn bị vật tư, phương tiện, nhân lực và các điều kiện khác phục vụ cho công tác ứng cứu đảm bảo nhanh và hiệu quả.

Phương án bảo vệ: Tập trung xử lý sự cố ngay từ giờ đầu: Xử lý rò, sùi, thấm, ngăn không cho các sự cố phát triển. Triển khai các phương án để mở cửa van khi bị kẹt.

### 1.3. Công trình hồ đập

Để bảo vệ công trình hồ đập, các chủ công trình tuân thủ theo Nghị định 72/2007/NĐ-CP ngày 07/5/2007 của Chính phủ về việc quản lý an toàn hồ đập.

Đập thuộc loại công trình phòng chống lụt bão. Hàng năm, trước khi bước vào mùa mưa lũ, chủ đập phải lập hoặc cập nhật, bổ sung phương án phòng chống lụt bão, trình cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.

Phương án đảm bảo theo phương châm “4 tại chỗ” và đảm bảo hiện thực. Trước mùa lụt bão các chủ hồ, các cơ quan chức năng kiểm tra việc chuẩn bị vật tư, phương tiện, nhân lực và các điều kiện khác phục vụ cho công tác ứng cứu

đảm bảo nhanh và hiệu quả.

Các sự cố: Rò, sùi, thấm qua đập, sạt lở mái đập gây vỡ đập; mưa lớn vượt thiết kế, tràn xả lũ không đảm bảo xả dẫn tới nước tràn qua đỉnh đập gây sạt lở và vỡ đập; sự cố cửa van tràn (đối với hồ có tràn xả cửa van).

Phương án bảo vệ: Tập trung xử lý sự cố ngay từ giờ đầu: Xử lý rò, sùi, thấm, sạt lở mái đập, ngăn không cho các sự cố phát triển gây vỡ đập. Triển khai các phương án để mở cửa van khi bị kẹt. Mở tràn phụ, mở rộng tràn, đào sâu tràn là các biện pháp để chống vỡ đập khi mưa vượt thiết kế. (các hồ đập chủ hồ xây dựng phương án chi tiết cụ thể từng hồ riêng).

#### 1.4. Khu neo đậu tàu thuyền

Các vị trí neo đậu tàu thuyền phải được kiểm tra trước mùa bão lụt:

- Kiểm tra luồng lạch ra vào đảm bảo thông suốt;
- Kiểm tra các trụ neo đậu, khu vực neo đậu đảm bảo đủ cho số tàu thuyền về neo đậu an toàn;
- Rà soát, kiểm tra số lượng tàu thuyền của ngư dân trong vùng và các tàu thuyền của ngư dân nơi khác thường đến neo đậu, để bố trí đủ vị trí neo đậu;
- Hướng dân neo đậu đảm bảo an toàn tại bến neo đậu (cả bến neo đậu tự nhiên);

Các khu neo đậu do chính quyền địa phương cấp huyện và xã phối hợp với Bộ đội biên phòng và Chi cục khai thác và bảo vệ nguồn lợi thủy sản để rà soát kiểm tra trước mùa bão lụt, quản lý chặt chẽ tàu thuyền, lập kế hoạch neo đậu, hướng dẫn neo đậu an toàn. Đảm bảo thông tin liên lạc với các tàu thuyền thường xuyên để chủ động thông tin tình hình thời tiết, bão, áp thấp nhiệt đới và kêu gọi tìm nơi trú ẩn an toàn khi thời tiết xấu.

## 2. Sơ tán, bảo vệ người, tài sản, bảo vệ sản xuất

2.1. Sơ tán dân vùng ven biển phòng tránh nước dâng do bão: Để thực hiện sơ tán dân phù hợp với cường độ của từng cơn bão và theo Bản đồ ngập lụt do nước biển dâng trong tình huống bão mạnh, siêu bão gây ra đối với khu vực tỉnh Nghệ An của Bộ Nông nghiệp và PTNT cấp ngày 06/4/2015, chia ra các kịch bản sau đây (5 kịch bản):

- Kịch bản I: Bão cấp 16 kết hợp với triều cường.

Vùng ven bờ biển có gió mạnh từ cấp 16 đến trên cấp 17 (tức là từ 184 km/h đến trên 220 km/h), nước biển có thể dâng đến 7,7m. Khu vực có nguy cơ tràn ngập, vỡ đê do bão làm nước biển dâng cao gồm 5 huyện, thị. Trong đó: Thị xã Hoàng Mai có 6 phường, xã; huyện Quỳnh Lưu có 11 xã; huyện Diễn Châu có 11 xã thị trấn; huyện Nghi Lộc có 9 xã và toàn bộ thị xã Cửa Lò.



TT	Tên xã, phường	Số người cần di dời, sơ tán		
		Di dời tại chỗ	Số người sơ tán	Tổng
1	Thị xã Hoàng Mai	13.764	1.600	15.364
2	Huyện Quỳnh Lưu	13.795	3.200	16.995
3	Huyện Diễn Châu	11.500	46.670	58.170
4	Huyện Nghi Lộc	8.100	0	8.100
5	Thị xã Cửa Lò	9.600	38.455	48.055
	<b>Tổng</b>	<b>56.759</b>	<b>89.925</b>	<b>146.684</b>

- Kịch bản II: Bão cấp 15 kết hợp với triều cường

Vùng ven bờ biển có gió mạnh cấp 15 tức là từ 183 km/h, nước biển có thể dâng đến 6,4m. Khu vực có nguy cơ ngập gồm 5 huyện, thành, thị. Trong đó: thị xã Hoàng Mai có 6 phường, xã; huyện Quỳnh Lưu có 11 xã; huyện Diễn Châu có 9 xã, thị trấn; huyện Nghi Lộc có 9 xã và toàn bộ thị xã Cửa Lò.

TT	Tên xã, phường	Số người cần di dời, sơ tán		
		Di dời tại chỗ	Số người sơ tán	Tổng
1	Thị xã Hoàng Mai	8.592	0	8.592
2	Huyện Quỳnh Lưu	9.600	0	9.600
3	Huyện Diễn Châu	12.700	28.052	40.752
4	Huyện Nghi Lộc	7.400	0	7.400
5	Thị xã Cửa Lò	15.000	21.862	36.862
	<b>Tổng</b>	<b>53.292</b>	<b>49.914</b>	<b>103.206</b>

- Kịch bản III: Bão Cấp 14 Kết hợp với triều cường

Vùng ven bờ biển có gió mạnh cấp 14 tức là từ 166 km/h, nước biển có thể dâng đến 5,3m. Khu vực có nguy cơ ngập gồm 5 huyện, thành, thị. Trong đó: thị xã Hoàng Mai có 3 phường, xã; huyện Quỳnh Lưu có 8 xã; huyện Diễn Châu có 9 xã, thị trấn; huyện Nghi Lộc có 7 xã và toàn bộ thị xã Cửa Lò.

TT	Tên xã, phường	Số người cần di dời, sơ tán		
		Di dời tại chỗ	Số người sơ tán	Tổng
1	Thị xã Hoàng Mai	2.700	0	2.700
2	Huyện Quỳnh Lưu	4.500	0	4.500
3	Huyện Diễn Châu	17.500	11.000	28.500
4	Huyện Nghi Lộc	4.900	0	4.900

5	Thị xã Cửa Lò	18.000	5.500	23.500
	<b>Tổng</b>	<b>47.600</b>	<b>16.500</b>	<b>64.100</b>

- Kịch bản IV: Bão Cấp 13 Kết hợp với triều cường

Vùng ven bờ biển có gió mạnh cấp 13 tức là từ 149 km/h, nước biển có thể dâng đến 4,4m. Khu vực có nguy cơ ngập gồm 5 huyện, thành, thị. Trong đó: thị xã Hoàng Mai có 1 xã; huyện Quỳnh Lưu có 4 xã; huyện Diễn Châu có 9 xã, thị; huyện Nghi Lộc có 4 xã và Thị xã Cửa Lò có 3 phường, xã.

TT	Tên xã, phường	Số người cần di dời, sơ tán		
		Di dời tại chỗ	Số người sơ tán	Tổng
1	Thị xã Hoàng Mai	1.000	0	1.000
2	Huyện Quỳnh Lưu	1.100	0	1.100
3	Huyện Diễn Châu	15.500	3.000	18.500
4	Huyện Nghi Lộc	1.200	0	1.200
5	Thị xã Cửa Lò	4.500	0	4.500
	<b>Tổng</b>	<b>23.300</b>	<b>3.000</b>	<b>26.300</b>

- Kịch bản V: Bão Cấp 13 Kết hợp với triều Trung bình

Vùng ven bờ biển có gió mạnh cấp 13 tức là từ 149 km/h, nước biển có thể dâng đến 4,2m. Khu vực có nguy cơ ngập gồm 5 huyện, thành, thị: Thị xã Hoàng Mai có 1 xã; huyện Quỳnh Lưu có 2 xã; huyện Diễn Châu có 9 xã; huyện Nghi Lộc có 4 xã và thị xã Cửa Lò có 2 phường.

TT	Tên xã, phường	Số người cần di dời, sơ tán		
		Di dời tại chỗ	Số người sơ tán	Tổng
1	Thị xã Hoàng Mai	500	0	500
2	Huyện Quỳnh Lưu	400	0	400
3	Huyện Diễn Châu	12.500	2.000	14.500
4	Huyện Nghi Lộc	1.200		1.200
5	Thị xã Cửa Lò	1.600	0	1.600
	<b>Tổng</b>	<b>16.200</b>	<b>2.000</b>	<b>18.200</b>

## 2.2. Sơ tán dân vùng ngập lụt

- Kịch bản số VI: Khi lũ trên sông Cà đạt mức báo động III và báo động khẩn cấp

- Phạm vi sơ tán nhân dân: Sẽ ảnh hưởng đến 9 huyện, thành, thị. Cụ thể: huyện Con Cuông (2 xã, thị), huyện Anh Sơn (9 xã, thị), huyện Thanh Chương

(21 xã, thị), huyện Đô Lương (13 xã), thành phố Vinh (3 phường, xã), huyện Hưng Nguyên (9 xã), huyện Nam Đàn (7 xã, thị), huyện Tân Kỳ (10 xã), huyện Nghĩa Đàn (8 xã).

- Báo động khẩn cấp: Dự kiến sơ tán 94.360 người dân trên địa bàn 9 huyện thành, trong đó sơ tán tại chỗ là 80.192 người dân, sơ tán sang địa phương khác 14.168 người, chi tiết ở bảng 3-10.

- Báo động III: Dự kiến sơ tán 64.786 người dân trên địa bàn 9 huyện, thành, trong đó sơ tán tại chỗ 56.906 người dân, sơ tán sang địa phương khác 7.880 người dân, chi tiết ở bảng 3-10.

**Bảng 3-10: Dự kiến số người dân sơ tán theo KB VI - Lũ trên sông cả (đạt mức báo động III và khẩn cấp)**

TT	Huyện, thành	Số người cần sơ tán, sơ tán		
		Sơ tán tại chỗ	Số người sơ tán	Tổng
<b>I</b>	<b>Báo động III</b>	<b>56.906</b>	<b>7.880</b>	<b>64.786</b>
1	Huyện Con Cuông	2.100	0	21.000
2	Huyện Anh Sơn	3.373	0	3.373
3	Huyện Thanh Chương	8.457	0	8.457
4	Huyện Đô Lương	8.540	0	8.540
5	Thành phố Vinh	10.950	3.806	14.756
6	Huyện Hưng Nguyên	2.943	2.074	5.017
7	Huyện Nam Đàn	17.367	2.000	19.367
8	Huyện Tân Kỳ	1.356	0	1.356
9	Huyện Nghĩa Đàn	1.820	0	1.820
<b>II</b>	<b>Báo động khẩn cấp</b>	<b>80.192</b>	<b>14.168</b>	<b>94.360</b>
1	Huyện Con Cuông	3.060	0	3.060
2	Huyện Anh Sơn	7.416	0	7.416
3	Huyện Thanh Chương	11.960	0	11.960
4	Huyện Đô Lương	10.680	0	10.680
5	Thành phố Vinh	10.950	3.806	14.756
6	Huyện Hưng Nguyên	5.253	6.362	11.615
7	Huyện Nam Đàn	23.766	4.000	27.766
8	Huyện Tân Kỳ	3.192	0	3.192
9	Huyện Nghĩa Đàn	3.915	0	3.915

### 2.3. Sơ tán dân vùng sạt lở, lũ quét và sau các hồ đập...

- Phát lệnh sơ tán: Chủ tịch UBND các xã trong vùng.
- Tổ chức sơ tán: Chủ tịch UBND xã trực tiếp chỉ huy công tác sơ tán.

- Tổ chức sơ tán khẩn cấp tất cả các hộ dân sống trong vùng lũ quét và các hộ dân sống ở bờ sông bị sạt lở, vùng có nguy cơ bị trượt, sạt lở đất.

- Hình thức sơ tán: người dân tự đi sơ tán là chính; các lực lượng hỗ trợ tham gia hỗ trợ sơ tán.

Với Kịch bản VII: Lũ ống, lũ quét, sạt lở đất đá trên địa bàn các huyện miền núi.

- Vị trí sạt lở là khu vực bờ sông, chân núi, khu vực ven suối miền núi.

- Phạm vi sơ tán nhân dân: Ảnh hưởng địa bàn thành phố Vinh, huyện Hưng Nguyên và 10 huyện, thị miền núi. Cụ thể, Thành phố Vinh 1 phường; huyện Hưng Nguyên 2 xã; huyện Anh Sơn 13 xã; huyện Con Cuông 10 xã; huyện Thanh Chương 4 xã; huyện Tương Dương 16 xã, thị; huyện Tân Kỳ 10 xã, thị; huyện Quỳnh Hợp 21 xã; huyện Quỳnh Châu 12 xã; huyện Quế Phong 12 xã; huyện Nghĩa Đàn 15 xã, thị; huyện Kỳ Sơn 20 xã, thị và huyện Anh Sơn 13 xã, thị.

- Số dân cần sơ tán: Dự kiến sơ tán tại chỗ 87.352 người dân trên địa bàn thành phố Vinh, huyện Hưng Nguyên và 10 huyện miền núi (Thanh Chương, Tương Dương, Tân Kỳ, Quỳnh Hợp, Quỳnh Châu, Quế Phong, Nghĩa Đàn, Kỳ Sơn, Con Cuông, Anh Sơn), chi tiết ở bảng 3-11

**Bảng 3-11: Dự kiến số người dân sơ tán theo KB VII - Lũ ống, lũ quét và sạt lở đất trên địa bàn 11 huyện thị miền núi**

TT	Huyện, Thị	Số người cần sơ tán, sơ tán		
		Sơ tán tại chỗ	Số người sơ tán	Tổng
1	Thành phố Vinh	220		220
2	Hưng Nguyên	1.883		1.883
3	Anh Sơn	6.688		6.688
4	Con Cuông	10.946		10.946
5	Tương Dương	7.405		7.405
6	Kỳ Sơn	7.250		7.250
7	Thanh Chương	1.729		1.729
8	Tân Kỳ	11.220		11.220
9	Nghĩa Đàn	3.743		3.743
10	Quỳnh Hợp	24.991		24.991
11	Quỳnh Châu	5.378		5.378
12	Quế Phong	5.899		5.899
	<b>Tổng</b>	<b>87.352</b>		<b>87.352</b>

Với Kịch bản VIII: Sự cố hồ đập và xả lũ các hồ chứa lớn:

- Phạm vi sơ tán nhân dân: Đối với các hồ chứa không có cửa van điều tiết xả lũ: Khi mưa lớn vượt quá tần suất thiết kế sẽ có nguy cơ gây sự cố hồ đập đặc biệt là các hồ đã xuống cấp, ảnh hưởng đến đời sống của người dân vùng hạ du hồ chứa. Các hồ chứa do địa phương hay công ty quản lý, hàng năm đã có xây

dựng phương án phòng chống lụt bão cụ thể cho từng hồ. Do vậy khi có sự cố xảy ra, cần nhanh chóng thực hiện phương án sơ tán nhân dân vùng hạ du kịp thời theo phương án xây dựng đã được các cấp có thẩm quyền phê duyệt hàng năm. Ở phạm vi của Kịch bản VIII chỉ xây dựng cụ thể phương án sơ tán nhân dân khi có sự cố hồ đập cho những hồ chứa có quy mô lớn và hồ có quy mô trên 2 triệu m<sup>3</sup> nhưng thực sự ách yếu, chưa được nâng cấp, có nguy cơ cao xảy ra sự cố khi lượng mưa vượt quá tần suất thiết kế. Cụ thể xây dựng phương án sơ tán nhân dân cho các hồ chứa sau:

**Bảng 3-12: Danh mục các hồ chứa xây dựng phương án sơ tán nhân dân vùng hạ du hồ theo kịch bản VIII**

STT	Tên hồ	Địa điểm	Năm xây dựng	Lưu vực (km <sup>2</sup> )	Dung tích 10 <sup>6</sup> m <sup>3</sup>	Vùng hạ du ảnh hưởng
1	Xuân Dương	Diễn Phú-Diễn Châu	1936/2009	15,50	9,35	Xóm 1, xóm 2, xóm 3, xóm 4, xóm 13
2	Vệ Vùng	Đồng Thành-Yên Thành	1973/2007	37,00	18,60	Xóm Nam Viên, Đồng Long, Đồng Nhân
3	Bàu Da	Diễn Lâm-Diễn Châu	1969/2001	29,80	10,98	Xóm 9, xóm 11, xóm 12
4	Mạ Tổ	Tân Thành-Yên Thành	1969/2001			Xóm 4, xóm 8
5	Khe Đá	Nghĩa Đức-Nghĩa Đản	1971/2005	50,00	16,50	Xóm Đức Quang
6	Nhà Trò	Tân Thành-Yên Thành	1972	9,70	5	xóm 13, xóm 9, xóm 10
7	Bà Túy	Quỳnh Tân-Quỳnh Lưu	1964	12,50	5,46	Xóm 6, xóm 7, xóm 8, xóm 9, xóm 11, xóm 15
8	Đồn Húng	Hùng Thành-Yên Thành	1973	10,80	4,00	Xóm Tây Phú, Kim Thành, Đồng Trạch xã Lãng Thành. Xóm Ngọc Thạch, Hoàng Lĩnh, Kim Thành, Gia Thành, Lạc Thành xã

						Hùng Thành
9	Kè Sắt	Tiền Thành-Yên Thành	1971	10,50	2,88	Xóm Đồng Tròn, Cầu Máng, xóm 6A
10	Đồi Trương	Quỳnh Vinh-Hoàng Mai	1972	6,20	2,20	Xóm 1, xóm 2, xóm 4 xã Quỳnh Vinh, xóm 11 xã Quỳnh Trang
11	Khe Lách-Khe Bưởi	Nghi Văn-Nghi Lộc	1963,1985	5,20	2,09	Các hộ trang trại ở hạ lưu
12	Khe Xiêm	Nghi Đồng-Nghi Lộc	1977	8,60	3,17	Các trang trại hạ lưu đập
13	Nghi Công	Nghi Công Bắc-Nghi Lộc	1953	11,60	2,60	Xóm 2, xóm 3
14	Khe Lau	Nghĩa Thuận-Nghĩa Đàn	1977	4,00	2,0	Xóm 7, xóm 10
15	Hòn Mát	Nghĩa Lộc-Nghĩa Đàn	1977	4,00	3,07	Xóm Đồng Bào
16	Bản Muộng	Châu Thái-Quỳ Hợp	1991	25,00	3,14	Xóm Na Ca, Bản Muộng, Khánh Quang

+ Đối với hồ chứa lớn có cửa van điều tiết xả lũ: Hồ Vực Máu và hồ Sông Sào cần xây dựng phương án sơ tán dân vùng hạ du hồ chứa và vùng lòng hồ Vực Máu khi mực nước hồ trên +22 m.

Hồ Vực Máu: 5 phường xã thuộc thị xã Hoàng Mai vùng hạ du hồ Quỳnh Thiện, Quỳnh Di, Quỳnh Trang, Quỳnh Lộc, Mai Hùng; 3 xã thuộc huyện Quỳnh Lưu vùng lòng hồ Quỳnh Thắng, Tân Thắng và Quỳnh Tân.

Hồ Sông Sào: 4 xã, thị của huyện Nghĩa Đàn: Nghĩa Bình, Nghĩa Hội, Nghĩa Trung, Thị trấn.

- Số dân cần sơ tán: Đối với các hồ chứa có quy mô lớn và hồ chứa có dung tích từ 2 triệu m<sup>3</sup> trở lên: Dự kiến sơ tán tại chỗ 11.138 người dân vùng hạ du của 16 hồ chứa được nêu ở bảng 3-12, thuộc địa bàn 6 huyện (Nghi Lộc, Diễn Châu, Yên Thành, Quỳnh Lưu, Nghĩa Đàn, Quỳ Hợp) Chi tiết bảng 3-13.

+ Đối với hồ chứa lớn có cửa van điều tiết xả lũ: Dự kiến sơ tán tại chỗ 38.647 người dân trên địa bàn huyện Nghĩa Đàn và thị xã Hoàng Mai, trong đó 13.880 người dân thuộc huyện Nghĩa Đàn vùng hạ du hồ Sông Sào, 24.769 người dân thuộc thị xã Hoàng Mai vùng hạ du hồ Vực Máu, 2.550 người thuộc huyện Quỳnh Lưu vùng lòng hồ Vực Máu. Chi tiết bảng 3-13.

**Bảng 3-13: Dự kiến số người dân sơ tán theo KB VIII - Sự cố hồ đập và**

xả lũ các hồ chứa lớn

TT	Huyện, Thị	Số người cần di dời, sơ tán		
		Di dời tại chỗ	Số người sơ tán	Tổng
<b>1</b>	<b>Các hồ chứa lớn dung tích từ 9 triệu m<sup>3</sup> trở lên</b>	<b>11.138</b>		<b>11.138</b>
	<i>Hồ Xuân Dương</i>			
1	Xã Diên Phú – Diên Châu	592		592
	<i>Hồ Vệ Vừng</i>			
2	Xã Đồng Thành – Yên Thành	1690		1690
	<i>Hồ Bàu Da</i>			
3	Xã Diên Lâm – Diên Châu	300		300
	<i>Hồ Ma Tổ</i>			
4	Xã Tân Thành – Yên Thành	650		650
	<i>Hồ Khe Đá</i>			
5	Xã Nghĩa Đức – Nghĩa Đàn	100		100
	<i>Hồ Nhà Trò</i>			
6	Xã Tân Thành – Yên Thành	390		390
	<i>Hồ Bà Tuy</i>			
7	Xã Quỳnh Tân – Quỳnh Lưu	1.915		1.915
	<i>Hồ Đôn Hùng</i>			
8	Xã Lăng Thành – Yên Thành	1.610		1.610
9	Xã Hùng Thành – Yên Thành	500		500
	<i>Hồ Ké Sắt</i>			
10	Xã Mã Thành – Yên Thành	600		600
	<i>Hồ Đồi Tương</i>			
11	Xã Quỳnh Vinh – Hoàng Mai	1500		1500
12	Xã Quỳnh Trang – Hoàng Mai	765		765
	<i>Hồ Khe Lách – Khe Bưởi</i>			
13	Xã Nghi Văn – Nghi Lộc	35		35
	<i>Hồ Khe Xiêm</i>			
14	Xã Nghi Đồng – Nghi Lộc	30		30
	<i>Hồ Nghi Công</i>			
15	Xã Nghi Công Bắc – Nghi Lộc	55		55
	<i>Hồ Khe Lau</i>			
16	Xã Nghĩa Thuận – Nghĩa Đàn	77		77
	<i>Hồ Hòn Mát</i>			
17	Xã Nghĩa Lộc – Nghĩa Đàn	104		104
	<i>Hồ Bàn Muộng</i>			
18	Xã Châu Thái – Quỳnh Hợp	225		225

<b>II</b>	<b>Hồ chứa lớn có cửa van điều tiết xả lũ</b>	<b>41.197</b>		<b>41.197</b>
	<i>Hồ Vực Mầu</i>	<i>27.317</i>		<i>27.137</i>
	<i>Thị xã Hoàng Mai – Hạ du hồ</i>	<i>24.767</i>		<i>24.767</i>
1	Phường Quỳnh Thiện	5.000		5.000
2	Xã Quỳnh Vinh	3.760		3.760
3	Phường Mai Hùng	5.000		5.000
4	Phường Quỳnh Dij	5.500		5.500
5	Xã Quỳnh Lộc	1.110		1.110
6	Phường Quỳnh Trang	4.397		4.397
	<i>Huyện Quỳnh Lưu – Vùng lòng hồ</i>	<i>2.550</i>		<i>2.550</i>
7	Xã Quỳnh Thắng	1.500		1.500
8	Xã Tân Thắng	1.000		1.000
9	Xã Quỳnh Tân	50		50
	<b>Hồ Sông Sào</b>	<b>13.880</b>		<b>13.880</b>
	Huyện Nghĩa Đàn	13.880		13.880
10	Xã Nghĩa Bình	3.160		3.160
11	Xã Nghĩa Trung	4.260		4.260
12	Xã Nghĩa Hội	3.780		3.780
13	Thị trấn Nghĩa Đàn	2.680		2.680
	<b>Tổng</b>	<b>52.335</b>		<b>52.335</b>

### 3. Bảo đảm an ninh trật tự, giao thông, thông tin liên lạc

+ Bảo đảm an ninh trật tự: Công an tỉnh triển khai các lực lượng để bảo vệ an ninh trật tự, an toàn xã hội, các công trình trọng điểm, tài sản của nhân dân, Nhà nước và doanh nghiệp, ngăn ngừa các đối tượng xấu lợi dụng khi thiên tai xảy ra để trộm cắp, cướp giật.

+ Bảo đảm giao thông: Sở giao thông vận tải phối hợp chính quyền địa phương bố trí lực lượng hướng dẫn điều tiết giao thông tại các ngầm tràn bên phả, dò ngang, dò dọc để nhân dân chuyển hướng di chuyển, không tập trung đi lại tại các bến tàu vận tải hành khách trong thời gian thiên tai có khả năng xảy ra hoặc theo cảnh báo của cơ quan chức năng, chính quyền địa phương. Thông báo định chỉ hoạt động các bến phả, dò ngang, dò dọc ngăn cản qua các ngầm tràn chỉ dẫn giao thông để đảm bảo an toàn khi có lệnh của Ban Chỉ huy phòng chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn tỉnh.

+ Bảo đảm thông tin liên lạc: Sở thông tin và truyền thông đảm bảo an toàn các cơ sở phát thanh, truyền hình, các công trình viễn thông, các trụ ăng ten trong khu dân cư; Phương án dự phòng và đảm bảo an toàn, thông suốt liên lạc với Trung ương, tỉnh, huyện, thị. Triển khai phương án thông tin truyền thông, kịp thời phát tin cảnh báo, các giải pháp phòng, tránh và ứng phó với thiên tai; các



công điện, văn bản Chỉ đạo của Trung ương, UBND tỉnh, Ban chỉ huy PCTT- TKCN tỉnh cho chính quyền, cộng đồng, người dân biết để chủ động phòng tránh. Triển khai Phương án phân công phóng viên đến các vùng trọng điểm về thiên tai để kịp thời đưa tin về tình hình thiên tai.

#### **4. Phối hợp chỉ đạo, chỉ huy phòng tránh, ứng phó thiên tai và tìm kiếm cứu nạn**

- Căn cứ vào bản tin dự báo, cảnh báo thiên tai, Ban chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh ban hành văn bản chỉ đạo Ban chỉ huy PCTT và TKCN các địa phương và các ngành, triển khai thực hiện biện pháp ứng phó thiên tai theo quy định (Ban hành Công điện thì theo Quyết định số 43/2008/QĐ-UBND ngày 27/4/2008 của UBND tỉnh Nghệ An về Quy chế ban hành Công điện).

- Hình thức, nội dung và phương thức truyền, phát văn bản chỉ đạo, chỉ huy ứng phó thiên tai được quy định như sau:

+ Văn bản chỉ đạo, chỉ huy ứng phó thiên tai được ban hành dưới hình thức công điện hoặc công văn;

+ Nội dung của văn bản chỉ đạo, chỉ huy ứng phó thiên tai phải bảo đảm phù hợp với nội dung bản tin dự báo, cảnh báo, thực tế diễn biến thiên tai; biện pháp cơ bản để ứng phó thiên tai và tìm kiếm cứu nạn;

+ Phương thức truyền, phát văn bản chỉ đạo, chỉ huy ứng phó thiên tai bao gồm fax, hệ thống nhắn tin (SMS), hệ thống truyền hình, phát thanh, hệ thống thông tin cảnh báo sớm, truyền đạt trực tiếp và các hình thức khác.

- Trách nhiệm truyền phát văn bản chỉ đạo, chỉ huy ứng phó thiên tai được quy định như sau:

- Cơ quan có thẩm quyền ban hành văn bản chỉ đạo, chỉ huy ứng phó thiên tai có trách nhiệm gửi văn bản chỉ đạo, chỉ huy đến Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh cùng cơ quan có liên quan;

- Ủy ban nhân dân, Ban chỉ huy phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn cấp xã có trách nhiệm phổ biến nội dung văn bản chỉ đạo, chỉ huy ứng phó thiên tai đến cộng đồng và người dân;

- Đài Phát thanh truyền hình tỉnh Nghệ An có trách nhiệm phát các bản tin chỉ đạo, chỉ huy ứng phó thiên tai.

#### **5. Nguồn nhân lực ứng phó thiên tai**

- Huy động nhân lực tại các xã gồm lực lượng dân quân tự vệ và lực lượng xung kích (được lập tại phương án ứng phó thiên tai cấp xã, huyện và các đơn vị) để giúp đỡ sơ tán dân, xử lý sự cố công trình, tìm kiếm cứu nạn.

- Các đơn vị bộ đội chủ lực đóng trên địa bàn (Phương án lực lượng của Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh Nghệ An) huy động để xử lý công trình, TKCN.

- Các nguồn nhân lực từ các trường Đại học (theo phương án huy động của các trường để hỗ trợ xử lý sự cố lũ vượt tràn suất thiết kế đê Tả Lam và huy động tình nguyện giúp đỡ các địa phương PCTT theo phương án của Tỉnh Đoàn).

## **6. Dự trữ vật tư, phương tiện, trang thiết bị, nhu yếu phẩm**

- Ủy ban nhân dân cấp huyện và xã chủ động chuẩn bị vật tư, vật liệu, phương tiện, trang thiết bị, nhu yếu phẩm phù hợp với phương án ứng phó thiên tai và TKCN của huyện và xã đã được phê duyệt.

- Vật tư cấp tỉnh: Khi các vật tư, trang thiết bị tại địa phương cấp huyện và xã không đáp ứng thì huy động từ cấp tỉnh (vật tư xử lý đê, đập tại các kho dự trữ vật tư trên tuyến đê Tả Lam, một số nhu yếu phẩm và thuốc y tế từ các kho của Sở Công thương và Sở Y tế theo phương án của các ngành).

- Tổ chức, hộ gia đình, cá nhân có trách nhiệm chủ động chuẩn bị nhân lực, vật tư, phương tiện, trang thiết bị, nhu yếu phẩm phục vụ hoạt động phòng, chống thiên tai theo hướng dẫn của địa phương.

**7. Các biện pháp cơ bản ứng phó thiên tai:** Căn cứ vào loại thiên tai, cấp độ rủi ro thiên tai xảy ra, Ban chỉ huy phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn các cấp quyết định lựa chọn một hoặc một số biện pháp phù hợp sau đây:

7.1. Ứng phó với bão, áp thấp nhiệt đới, mưa lớn, lũ, lũ quét, ngập lụt, nước dâng, sạt lở đất do mưa lũ hoặc dòng chảy, sụt lún đất do mưa lũ hoặc dòng chảy gây ra như sau:

a) Cấp độ rủi ro thiên tai từ cấp 1 đến cấp 5

b) Biện pháp ứng phó:

- Sơ tán người ra khỏi khu vực nguy hiểm, nơi không bảo đảm an toàn; tập trung triển khai biện pháp bảo đảm an toàn cho người, đặc biệt đối tượng dễ bị tổn thương trong tình huống thiên tai khẩn cấp;

- Di chuyển tàu thuyền, phương tiện nuôi trồng thủy sản trên biển, ven biển, trên sông ra khỏi khu vực nguy hiểm; tổ chức kiểm đếm, hướng dẫn tàu thuyền neo đậu hoặc thực hiện biện pháp khác để bảo đảm an toàn;

- Thực hiện biện pháp bảo đảm an toàn đối với nhà cửa, công sở, bệnh viện, trường học, kho tàng, công trình và cơ sở kinh tế, an ninh, quốc phòng;

- Chủ động thực hiện biện pháp bảo vệ sản xuất;

- Thực hiện kiểm tra, phát hiện và xử lý sự cố công trình phòng, chống thiên tai như đê điều, hồ đập, công trình trọng điểm về kinh tế - xã hội và an ninh, quốc phòng;

- Giám sát, hướng dẫn và chủ động thực hiện việc hạn chế hoặc cấm người, phương tiện đi vào khu vực nguy hiểm trên sông, trên biển, khu vực và tuyến đường bị ngập sâu, khu vực có nguy cơ sạt lở đất do mưa lũ hoặc dòng chảy các đò ngang, đò dọc và khu vực nguy hiểm khác;

- Chủ động cho học sinh nghỉ học khi có bão và lũ lớn;

- Bảo đảm giao thông và thông tin liên lạc đáp ứng yêu cầu chỉ đạo, chỉ huy phòng, chống thiên tai;

- Thực hiện hoạt động tìm kiếm cứu nạn, cứu chữa người bị thương, hỗ trợ

lượng thực, thuốc chữa bệnh, nước uống và nhu yếu phẩm khác tại khu vực bị chia cắt, khu vực ngập lụt nghiêm trọng và địa điểm sơ tán dân cư;

- Bảo đảm an ninh, trật tự an toàn xã hội, bảo vệ tài sản của Nhà nước và nhân dân tại khu vực xảy ra thiên tai;

- Huy động khẩn cấp và tuân thủ quyết định chỉ đạo, huy động khẩn cấp về nhân lực, vật tư, phương tiện, trang thiết bị, nhu yếu phẩm để kịp thời ứng phó với thiên tai.

c) Nhiệm vụ của các Sở, Ban, Ngành và UBND các huyện, thành, thị:

- Tổ chức trực ban chặt chẽ, theo dõi sát diễn biến của bão;

- Ban chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh ban hành công điện cảnh báo bão, thông báo vùng nguy hiểm, chỉ đạo hướng dẫn tàu thuyền thoát ra khỏi vùng nguy hiểm;

- Ban chỉ huy PCTT và TKCN các huyện, thị xã ven biển chỉ đạo Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn kiểm đếm, thông báo, kiên quyết kêu gọi toàn bộ tàu thuyền đang hoạt động ra khỏi vùng nguy hiểm và về bờ; kiểm soát chặt chẽ tàu thuyền hoạt động ở ven biển, cửa sông;

- Bộ chỉ huy Bộ đội Biên phòng Nghệ An, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phối hợp chặt chẽ với chính quyền địa phương kiểm tra, nắm chắc số lượng tàu thuyền và thuyền viên. Thông báo cho ngư dân biết và theo dõi tọa độ của bão, cường độ, hướng di chuyển và bán kính ảnh hưởng bão và hướng dẫn ngư dân phòng, tránh bão; nắm chắc số tàu thuyền còn trên biển chưa vào nơi trú tránh, số tàu thuyền đã vào nơi trú tránh và tổ chức sắp xếp việc neo đậu đối với các tàu thuyền đã về nơi neo đậu đồng thời xử lý kịp thời các tình huống sự cố của tàu thuyền, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh và Ban chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh theo quy định.

- Ban chỉ huy PCTT và TKCN các ngành, các cấp rà soát lại các phương án đã xây dựng để sẵn sàng đối phó với các tình huống xảy ra; sẵn sàng lực lượng, phương tiện để ứng cứu khi có yêu cầu. Vận hành các công trình tiêu úng, kiểm tra công trình đê điều, hồ đập. Thực hiện tiêu nước đệm, đảm bảo hệ thống tiêu úng hoạt động tiêu nước kịp thời.

- Đài Phát thanh Truyền hình tỉnh, huyện, thành phố, thị xã, Đài thông tin chuyên hải Bến Thủy, Đài truyền thanh xã, phường, thị trấn và các phương tiện thông tin đại chúng khác thường xuyên thông tin về bão, tác động và ảnh hưởng của bão, các giải pháp phòng, tránh và ứng phó với bão; thông báo các chỉ đạo của cấp trên về diễn biến của cơn bão cho nhân dân biết để chủ động phòng tránh.

- Ngành giao thông phối hợp các huyện, thành, thị để thực hiện đảm bảo an toàn giao thông, phân luồng cho các đoạn đường bị ách tắc.

d) Đối với chủ phương tiện, thuyền trưởng và ngư dân.

- Theo dõi trên các phương tiện thông tin đại chúng về diễn biến của bão. Đồng thời phải giữ liên lạc thường xuyên giữa tàu thuyền với chính quyền địa phương và gia đình.

- Chủ phương tiện và thuyền trưởng có trách nhiệm báo cáo đến Chính quyền địa phương, Bộ Chỉ huy Bộ đội biên phòng và các cơ quan có liên quan về số lượng, số hiệu tàu thuyền, số người trên tàu, vị trí tàu đang hoạt động trên biển. Không cho tàu thuyền đi vào khu vực ảnh hưởng của bão và có trách nhiệm đưa tàu thuyền thoát ra khỏi vùng nguy hiểm hoặc tìm nơi trú tránh an toàn.

- Chủ phương tiện phải thường xuyên thông báo các tin dự báo, cảnh báo bão đến các thành viên trên tàu thuyền và yêu cầu các thành viên phải thực hiện ngay các biện pháp để đảm bảo an toàn cho người và phương tiện. Thực hiện nội dung công điện của Trung ương, UBND tỉnh, sự chỉ đạo của chính quyền địa phương và các cơ quan có liên quan.

e) Đối với cộng đồng dân cư

- Thường xuyên theo dõi các bản tin dự báo, cảnh báo về diễn biến của bão trên các phương tiện thông tin đại chúng. Thực hiện nội dung công điện của UBND tỉnh và sự chỉ đạo trực tiếp của Chính quyền địa phương.

- Chủ động dự trữ lương thực, thực phẩm, nhu yếu phẩm cần thiết cho gia đình. Tổ chức chặt tia cành cây xung quanh nhà để tránh gãy, đổ khi bão đổ bộ vào.

- Tổ chức thu hoạch sản phẩm nông nghiệp, thủy, hải sản đang và sắp đến giai đoạn thu hoạch. Đối với các sản phẩm nông nghiệp, thủy, hải sản chưa đến giai đoạn thu hoạch ở vùng có nguy cơ bị ảnh hưởng của bão phải có biện pháp bảo vệ.

- Chăng chống nhà cửa, bảo vệ nhà cửa.

- Chuẩn bị các vật dụng cá nhân cần thiết để sẵn sàng sơ tán theo chỉ đạo của chính quyền.

- Không đi qua ngầm tràn, dò ngang, dò dọc khi có lũ lớn, không vớt củi, gỗ và các hoạt động trên sông.

- Tham gia cùng Chính quyền địa phương và cộng đồng trong việc phòng tránh bão, giúp đỡ lẫn nhau, nhất là các gia đình khó khăn, tàn tật, neo đơn.

f) Triển khai khắc phục sau khi bão, lụt.

- Tổ chức đưa người dân sơ tán, di dời trước bão về nơi ở cũ an toàn.

- Tiếp tục công tác ứng cứu, tìm kiếm cứu nạn, cấp cứu người bị nạn.

- Tổ chức ngay công tác thăm hỏi, động viên các hộ dân bị thiệt hại do thiên tai gây ra.

- Trợ giúp hàng hóa, lương thực, thực phẩm thiết yếu, nước uống, chăm sóc y tế nhằm đảm bảo điều kiện sinh hoạt, đời sống cho nhân dân.

- Tổ chức lực lượng xung kích, tình nguyện giúp nhân dân khắc phục hậu quả, sửa chữa, xây dựng lại nhà ở, bảo vệ an ninh trật tự và tài sản của nhân dân, doanh nghiệp, nhà nước trong vùng bị ảnh hưởng của bão.

- Trong thời gian ngắn nhất, huy động nguồn lực tổ chức thu dọn cây xanh, cột điện, công trình, thiết bị ngã đổ; sửa chữa trường học, trạm xá, bệnh viện, các

công trình bị hư hỏng; đảm bảo giao thông, nước sạch, điện, viễn thông thông suốt; tiêu độc, khử trùng, vệ sinh môi trường, phòng dịch tại vùng bị ảnh hưởng của bão...

- Tổ chức kiểm kê, đánh giá xác định thiệt hại theo đúng quy định và báo cáo cho Ban chỉ huy PCTT và TKCN cấp trên. Ban chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh báo cáo Ban chỉ đạo trung ương về PCTT và Thủ tướng Chính phủ.

- Chỉ đạo các đơn vị quản lý, phối hợp chặt chẽ với chính quyền địa phương, xử lý khắc phục đảm bảo giao thông.

- Thực hiện thu dọn cây xanh bị ngã đổ, khắc phục điện, thông tin, đảm bảo phục vụ nhân dân. Sửa chữa các trường học để sớm ổn định việc dạy và học của nhà trường.

- Chỉ đạo các địa phương, đơn vị phục hồi sản xuất nông nghiệp; tổng hợp tình hình thiệt hại và tham mưu UBND tỉnh hỗ trợ khắc phục thiệt hại theo Quyết định số 142/2009/QĐ-TTg ngày 31/12/2009 của Thủ tướng Chính phủ và các quy định hiện hành. Đồng thời tham mưu cho UBND tỉnh các văn bản đề xuất Chính phủ hỗ trợ kinh phí để tái thiết sau thiên tai.

- Chỉ đạo các công ty thương mại cung cấp đầy đủ các mặt hàng nhu yếu phẩm cho người dân; chỉ đạo Chi cục Quản lý thị trường phối hợp với các đơn vị chức năng tăng cường kiểm tra, kiểm soát thị trường, xử lý nghiêm các trường hợp đầu cơ, găm hàng, nâng giá, nhất là lương thực, thực phẩm thiết yếu, nước uống, vật liệu xây dựng, nhiên liệu, chất đốt.

- Huy động lực lượng đoàn viên, hội viên, thanh niên tình nguyện trực tiếp xuống địa bàn giúp nhân dân dọn dẹp vệ sinh, sửa chữa lại nhà ở bị hư hỏng.

- Khi thiên tai lớn gây thiệt hại nặng nề đối với nhân dân tổ chức vận động các ngành, các cấp, các tổ chức khác cứu trợ thiên tai cho những hộ bị thiệt hại đang gặp khó khăn và vận động nhân dân địa phương đóng góp để xây dựng sửa chữa nhà và giúp đỡ các hộ bị thiệt hại ổn định đời sống.

7.2. Biện pháp cơ bản ứng phó đối với hạn hán và xâm nhập mặn như sau:

a) Cấp độ rủi ro thiên tai từ cấp 1 đến cấp 4

b) Công tác truyền thông:

- Do các cơ quan khí tượng thủy văn cung cấp dự báo, cơ quan truyền thông thực hiện tuyên truyền.

- Hình thức truyền thông tin từ huyện, thành, thị đến cộng đồng dân cư:

+ Qua hệ thống truyền thanh của địa phương;

+ Qua các Đài phát thanh và truyền hình tỉnh, huyện;

+ Nhận tin từ cấp trên qua: Điện thoại, Điện thoại di động, fax, mạng Internet.

c) Tổ chức ứng phó

- Điều chỉnh cơ cấu cây trồng, vật nuôi, mùa vụ phù hợp với dự báo, cảnh

báo và tình hình diễn biến hạn hán và xâm nhập mặn.

- Vận hành hợp lý hồ chứa nước, công trình cấp nước. Ưu tiên cấp nước sinh hoạt, sử dụng tiết kiệm, chống thất thoát nước.

- Sử dụng các biện pháp kỹ thuật tưới luân phiên, lắp đặt các trạm bơm dã chiến, bơm dầu để tận dụng các nguồn nước.

- Ưu tiên cung cấp điện và vật tư, nhiên liệu cần thiết cho các trạm bơm.

- Tổ chức quan trắc độ mặn, điều chỉnh đóng mở cống lấy nước và ngăn mặn phù hợp với tình huống cụ thể.

d) Khắc phục hậu quả:

- Tổ chức kiểm kê, đánh giá xác định thiệt hại theo đúng quy định và báo cáo cho Ban chỉ huy PCTT và TKCN cấp trên. Ban chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh báo cáo Ban chỉ đạo trung ương về PCTT và Thủ tướng Chính phủ.

- Chỉ đạo các địa phương, đơn vị khôi phục sản xuất nông nghiệp (bằng các giải pháp như gieo cấy lại, trồng cây khác ...); tổng hợp tình hình thiệt hại và tham mưu UBND tỉnh hỗ trợ khắc phục thiệt hại theo Quyết định số 142/2009/QĐ-TTg ngày 31/12/2009 của Thủ tướng Chính phủ và các quy định hiện hành. Đồng thời tham mưu cho UBND tỉnh các văn bản đề xuất Chính phủ hỗ trợ kinh phí để tái thiết sau thiên tai.

7.3. Biện pháp cơ bản ứng phó đối với sương muối, rét hại như sau:

a) Cấp độ rủi ro thiên tai từ cấp 1 đến cấp 3

b) Công tác truyền thông

- Do các cơ quan khí tượng thủy văn cung cấp dự báo, cơ quan truyền thông thực hiện tuyên truyền.

- Hình thức truyền thông tin từ huyện, thành, thị đến cộng đồng dân cư:

+ Qua hệ thống truyền thanh của địa phương;

+ Qua các Đài phát thanh và truyền hình tỉnh, huyện;

+ Nhận tin từ cấp trên qua: Điện thoại, Điện thoại di động, fax, mạng Internet.

c) Tổ chức ứng phó

Triển khai chống rét cho người, đặc biệt cho đối tượng dễ bị tổn thương.

Triển khai chống rét và bảo đảm nguồn thức ăn cho gia súc.

Triển khai biện pháp bảo vệ cây trồng phù hợp.

Chỉ đạo sản xuất né tránh các đợt rét đậm, rét hại.

d) Khắc phục hậu quả

- Tổ chức kiểm kê, đánh giá xác định thiệt hại theo đúng quy định và báo cáo cho Ban chỉ huy PCTT và TKCN cấp trên. Ban chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh báo cáo Ban chỉ đạo trung ương về PCTT và Thủ tướng Chính phủ.

- Chỉ đạo các địa phương, đơn vị phục hồi sản xuất nông nghiệp; tổng hợp tình hình thiệt hại và tham mưu UBND tỉnh hỗ trợ khắc phục thiệt hại theo Quyết định số 142/2009/QĐ-TTg ngày 31/12/2009 của Thủ tướng Chính phủ và các quy định hiện hành. Đồng thời tham mưu cho UBND tỉnh các văn bản đề xuất Chính phủ hỗ trợ kinh phí để tái thiết sau thiên tai.

7.4. Biện pháp cơ bản ứng phó đối với động đất, sóng thần như sau:

a) Cấp độ rủi ro thiên tai từ cấp 1 đến cấp 5

b) Công tác tuyên truyền: Các cơ quan chức năng, các chính quyền địa phương theo dõi thông tin qua Đài tiếng nói Việt Nam, Đài truyền hình Việt Nam.

c) Tổ chức ứng phó

- Chủ động trú, tránh, bảo đảm an toàn khi xảy ra động đất;

- Chủ động sơ tán ra khỏi khu vực chịu ảnh hưởng của sóng thần;

- Tổ chức tìm kiếm cứu nạn, cứu chữa người bị thương;

- Bố trí nơi ở tạm, hỗ trợ lương thực, thuốc chữa bệnh, nước uống, nhu yếu phẩm khác cho người dân bị ảnh hưởng;

- Bảo đảm an ninh, trật tự an toàn xã hội, bảo vệ tài sản của Nhà nước và nhân dân tại khu vực xảy ra thiên tai.

7.5. Đối với nắng nóng, lốc xoáy, sét, mưa đá và các loại thiên tai khác thì căn cứ vào dự báo, cảnh báo, tính chất và diễn biến thực tế của từng loại thiên tai, chủ động triển khai biện pháp ứng phó phù hợp với tình huống cụ thể.

a) Cấp độ rủi ro thiên tai từ cấp 1 đến cấp 3

b) Công tác truyền thông:

- Thường xuyên tuyên truyền, hướng dẫn cho nhân dân các biện pháp phòng tránh an toàn.

- Thông báo qua hệ thống truyền thanh của địa phương.

c) Tổ chức ứng phó: Để hạn chế đến mức thấp nhất thiệt hại do lốc xoáy, gió giật gây ra:

- Đối với trên biển:

+ Bắt buộc các chủ tàu thuyền khi ra biển phải có phao cứu sinh và toàn bộ thủy thủ, thuyền viên phải mặc áo phao khi đang ở trên biển;

+ Khi thấy biển động thì phải nhanh chóng trở vào bờ hoặc di chuyển tìm nơi tránh, trú an toàn;

+ Tổ chức hợp lý đội hình khai thác trên biển theo tổ, trong đó đảm bảo cự ly, khoảng cách hợp lý giữa các tàu thuyền để hỗ trợ nhau khi gặp nạn.

- Đối với trên đất liền:

+ Xây dựng các công trình, nhà ở kiên cố, thường xuyên chằng chống nhà cửa để tăng độ vững chắc nhằm đề phòng lốc xoáy, gió giật, mưa đá. Ở các cửa

biên, ven biển, nơi trồng trái, nếu nhà ở lợp bằng lá, tôn tráng kẽm, fibro xi măng, ngôi có thể dẫn lên mái nhà các loại thanh nẹp bằng gỗ, sắt, dây kẽm cỡ lớn hoặc các bao chứa cát để hạn chế tốc mái khi có lốc xoáy, gió giật;

+ Chặt tia cành, nhánh của các cây cao, dễ gãy đổ, cây nằm gần nhà ở, lưới điện,...;

+ Khi trời mưa lớn kèm theo dông, cần sơ tán người già và trẻ em ra khỏi những căn nhà tạm bợ đến những nơi an toàn, vững chắc hơn. Khi xảy ra lốc xoáy, gió giật mọi người phải tìm những nơi trú ẩn an toàn như các nhà kiên cố, tránh núp dưới bóng cây khi có dông, nhà tạm bợ dễ bị ngã đổ gây tai nạn, khi xây nhà và các khu xây dựng phải có hệ thống cột thu lôi. Tuyên truyền, vận động đến các hộ dân có nhà kiên cố tiếp nhận những người dân trú ẩn khi xảy ra lốc xoáy, gió giật với tinh thần tương thân, tương trợ lẫn nhau;

+ Các đợt nắng nóng, thông báo, hướng dẫn các biện pháp tránh nắng, phòng chống và sơ, cấp cứu khi bị say nắng.

d) Công tác khắc phục hậu quả: Sau khi xảy ra, lốc xoáy, gió giật, sét, mưa đá, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã và các cơ quan, đơn vị theo chức năng, nhiệm vụ khẩn trương huy động lực lượng, phương tiện, vật chất trang bị để nhanh chóng giải quyết hậu quả, tập trung một số công việc như:

- Cứu nạn cho người và tài sản;
- Sửa chữa, khắc phục nhà sập, nhà tốc mái...;
- Khắc phục các sự cố tàu thuyền bị đánh chìm, trôi dạt, hư hỏng và tổ chức tìm kiếm người, tàu thuyền bị mất liên lạc;
- Cứu trợ các cá nhân, gia đình khó khăn;
- Thống kê và đánh giá thiệt hại, báo cáo theo quy định.

## **8. Hoạt động tìm kiếm, cứu nạn trong ứng phó thiên tai**

8.1. Hoạt động tìm kiếm và cứu nạn người gặp nguy hiểm tại khu vực có thiên tai xảy ra bao gồm:

- a) Sơ tán người ra khỏi nơi nguy hiểm, ưu tiên đối tượng dễ bị tổn thương;
- b) Cấp cứu kịp thời người gặp nguy hiểm; tìm kiếm người, phương tiện mất tích;
- c) Lập các trạm cấp cứu tạm thời hoặc trung dụng có thời hạn trụ sở cơ quan, trường học, cơ sở y tế tại khu vực có thiên tai để tiếp nhận cấp cứu người bị nạn;
- d) Huy động người, vật tư, trang thiết bị, thuốc chữa bệnh để tham gia cứu chữa người bị nạn;
- đ) Dựng các lán trại tạm thời cho người dân bị mất nhà ở;
- e) Cấp phát lương thực, thực phẩm, thuốc chữa bệnh, nước sạch và nhu yếu phẩm thiết yếu;
- g) Các biện pháp cần thiết khác phù hợp với đặc điểm thiên tai của địa



phương và khu vực.

## 8.2. Trách nhiệm tìm kiếm cứu nạn như sau:

Ủy ban nhân dân, Ban chỉ huy PCTT và TKCN địa phương các cấp có trách nhiệm chủ động triển khai hoạt động tìm kiếm cứu nạn trên địa bàn; trường hợp vượt quá khả năng phải báo cáo, đề nghị Ủy ban nhân dân, Ban chỉ huy PCTT và TKCN cấp trên hỗ trợ;

Bộ chỉ huy quân sự tỉnh là đơn vị thường trực Tìm kiếm cứu nạn của tỉnh. Các đơn vị tham gia tìm kiếm cứu nạn và có trách nhiệm tìm kiếm cứu nạn theo sự huy động của cơ quan có thẩm quyền bao gồm:

- Tìm kiếm cứu nạn trên biển:

+ Bộ đội biên phòng tỉnh Nghệ An là lực lượng nòng cốt;

+ Lực lượng tham gia phối hợp TKCN: Bộ chỉ huy quân sự tỉnh, Công an tỉnh, UBND các huyện, Chi cục Khai thác và bảo vệ nguồn lợi thủy sản, Cục Hải quan, Cảng vụ Nghệ Tĩnh; Trung tâm CHCN Cửa Lò, lực lượng điều động của địa phương, Đài phát thanh chuyên hải Bến Thủy.

- Tìm kiếm cứu nạn trên đất liền:

+ Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh phối hợp UBND các huyện, thành phố, thị xã; Ban chỉ huy quân sự huyện, thành, thị.

+ Các đơn vị phối hợp: UBND các huyện, Công an tỉnh, Bộ đội biên phòng tỉnh, lực lượng điều động các địa phương, lực lượng tình nguyện.

- Phương tiện, trang thiết bị:

Hiện nay phương tiện thực hiện cứu hộ, cứu nạn của tỉnh có 30 tàu, xuồng và đầu kéo: Cảng Nghệ Tĩnh 03 đầu kéo; Cục Hải Quan 2 tàu; Chi cục khai thác và bảo vệ nguồn lợi thủy sản 02 tàu; Cảng vụ hàng hải Nghệ An 01 tàu; Trung tâm Cứu hộ Cửa Lò 3 xuồng; Bộ chỉ huy bộ đội Biên phòng 05 tàu; Bộ chỉ huy quân sự tỉnh 12 xuồng. Các phương tiện này đều có công suất dưới 660 mã lực, chỉ hoạt động cứu hộ cứu nạn khi có gió dưới cấp 6, cấp 7. Năm 2015, được sự hỗ trợ của UBND TKCN Nghệ An được cấp 01 tàu cứu hộ cứu nạn với công suất 3820 mã lực, chịu được gió trên cấp 8 do Bộ tư lệnh Bộ đội Biên Phòng cấp năm 2014 (Bộ đội Biên phòng quản lý và sử dụng).

Ngoài ra để huy động đề phòng, tránh, ứng phó với bão mạnh, siêu bão, lũ trên sông cả đạt báo động khẩn cấp, lũ ống lũ quét, sự cố hồ đập cần thêm phương tiện và thiết bị như sau:

Bão cấp 16 kết hợp triều cường: 255 xe 16 chỗ, 233 xe từ 25-29 chỗ, 107 xe 45 chỗ và 339 xe tải và một số phương tiện như xe máy, xe bò...

Lũ sông cả đạt mức báo động ba và báo động khẩn cấp: 227xe 16 chỗ và, 102 xe từ 25-29 chỗ, 41 xe 45 chỗ và một số phương tiện như xe máy, xe bò...

Lũ ống, lũ quét và sạt lở đất đá trên địa bàn các huyện thị miền núi: 264 xe 16 chỗ, xe tải các loại, 25 xe từ 25-29 chỗ và một số phương tiện như xe máy, xe bò...

Sự cố hồ đập và xả lũ các hồ chứa lớn có cửa van điều tiết xả lũ: 266 xe 16 chỗ, 92 xe từ 25-29 chỗ, 26 xe 45 chỗ và 400 xe tải.

Khi vượt khả năng TKCN của lực lượng TKCN tỉnh thì báo cáo và đề nghị UBND TKCN hỗ trợ.

### **Phần thứ tư TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

1. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố căn cứ phương án này rà soát, bổ sung hoàn chỉnh Phương án ứng phó thiên tai theo cấp độ rủi ro thiên tai ở địa bàn quản lý.

2. Thủ trưởng các Sở, ngành, đơn vị theo nhiệm vụ trong phương án, kiểm tra, rà soát lại phương án ứng phó với thiên tai theo cấp độ rủi ro thiên tai của ngành mình để thực hiện tốt nhiệm vụ.

3. Các thành viên Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn tỉnh, theo nhiệm vụ và địa bàn được phân công chỉ đạo thực hiện theo đúng phương án.

4. Các tổ chức, lực lượng đóng trên địa bàn các huyện, thành phố, thị xã, phường, xã, thị trấn phải chịu mọi sự điều động và chấp hành nghiêm túc sự chỉ đạo của Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã và Trưởng Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn địa phương đảm bảo cơ chế chỉ huy tập trung, thống nhất trong công tác chuẩn bị, ứng phó và khắc phục hậu quả đảm bảo quá trình xử lý được kịp thời, nhanh chóng và hiệu quả.

5. Trong quá trình thực hiện, có những vấn đề còn bất cập, đề nghị gửi ý kiến về Sở Nông nghiệp và PTNT (qua Văn phòng Ban chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh) để kịp thời bổ sung, hoàn chỉnh, đảm bảo phương án ứng phó với thiên tai có hiệu quả nhất. /

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Xuân Đường**